MỤC LỤC

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI.....v
THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI viiviii
PHẦN 1: MỞ ĐẦU.....1
1.LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI 1
2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU 3
2.1 MỤC TIÊU CHUNG 3
2.2 MỤC TIÊU CỤ THỂ 3
3. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU 3
3.1 ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU 3
3.2 KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU.....3
3.3 PHẠM VI NGHIÊN CỨU 4
4. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 4
4.1 CÁCH TIẾP CẬN.....4
4.2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 4
5.CẤU TRÚC ĐỀ TÀI.....5
PHẦN 2: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỀ TÀI.....7
1.CƠ SỞ LÝ LUẬN 7
1.1 HỆ THỐNG KHÁI NIỆM SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU 7
1.1.1. Khái niệm văn hóa 7
1.1.2. Khái niệm biến đổi xã hội.....7
1.1.3. Khái niệm nghi lễ.....7
1.1.4. Khái niệm tang ma 8
1.1.5. Biến đổi xã hội 8
2. CÁC LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG TRONG ĐỀ TÀI.....10
2.1 Lý thuyết cấu trúc chức năng.....10

2.2 Lý thuyết biến đổi xã hội 12
2.3 Cách tiếp cận phong cách sống và phong cách văn hóa 13
3.TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU.....14
4. TỔNG QUAN VỀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU 16
4.1 Cơ cấu nhóm tuổi điều tra.....16
4.2 Tôn giáo của nhóm khách thể nghiên cứu 17
5. Khung phân tích.....19
CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU THỰC TRẠNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI TRƯỚC TRONG VÀ SAU NGHI LỄ TANG MA CỦA NGƯỜI LẠCH.....21
2.1 Thực trạng và biến đổi trước khi tổ chức nghi lễ tang ma của người Lạch 21
2.1.2 Cách phân chia tài sản của người chết.....22
2.1.3 Biến đổi trong việc chuẩn bị tang lễ và hình thức báo tang.....24
2.1.4 Biến đổi lễ vật khi phúng, cúng tang 27
2.1.5 Biến đổi của thành viên trong tang ma của người Lạch 28
2.2 Thực trạng và biến đổi trong và sau khi tổ chức nghi lễ tang ma của người Lạch.....29
2.2.1 Công việc và nghi lễ trong khi tổ chức tang ma 29
2.2.1.1 Thời gian tiến hành tang ma 29
2.2.1.2 Những tục lệ khi đưa ma và mức độ biến đổi.....33
2.2.1.3 Các lễ cúng hay nghi thức sau khi chôn cất.....35
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI NGHI LỄ TANG MA CỦA NGƯỜI LẠCH.....39
3.1 Đánh giá tác động của yếu tố tôn giáo đến biến đổi nghi lễ tang ma.....40
3.2 Đánh giá tác động của yếu tố kinh tế đến biến đổi nghi lễ tang ma.....41
3.3 Đánh giá tác động của yếu tố chính trị đến biến đổi nghi lễ tang ma.....43
3.4 Đánh giá tác động của yếu tố văn hóa đến biến đổi nghi lễ tang ma 44
KẾT LUẬN.....45

Tài liệu tham khảo.....48
PHỤ LỤC.....51
BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU 57

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Bảng phân phối tuổi của nhóm điều tra.....16
Bảng 1.2. Bảng phân phối tôn giáo của nhóm điều tra.....18
Bảng 2.1. Quan niệm về ý nghĩa tang ma.....21
Bảng 2.2. Cách phân chia tài sản của người chết**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.3. Cách thức báo tang .....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.4. Cách thức làm quan tài .....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.5. Đồ cúng.....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.6. Các thành phần tham dự tang ma .....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.7. Thời gian thi hài để ở nhà.....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.8. Sự biến đổi những tục lệ đưa ma.....**Error! Bookmark not defined.**
Bảng 2.9. Lễ cúng trong 1 năm.....**Error! Bookmark not defined.**

Biểu đồ 3.1. Mức độ tác động của các yếu tố.....**Error! Bookmark not defined.**

Mẫu 1. Thông tin kết quả nghiên cứu của đề tài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: "Biến đổi nghi lễ tang ma của người Lạch ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng".
- Sinh viên thực hiện: Đặng Trần Duy
- Lớp: XHK42 Khoa: XHH & CTXH Năm thứ: 4 Số năm đào tạo: 4
- Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đình Nghiệp

2. Mục tiêu đề tài:

2.1. Mục tiêu chung

- Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống và những biến đổi trong nghi lễ tang ma của người Lạch ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ trước khi tổ chức tang lễ của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ khi tổ chức tang lễ của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ sau khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài tập trung nghiên cứu và tìm hiểu sự biến đổi nghi lễ, nghi thức chuyền thống của đồng bào người Cơ ho Lạch. Để có thể hiểu rõ hơn về văn hóa tang ma hay tầm quan trọng của nó so với trước đây. Từ đó, cũng có thể đánh giá được mức độ thay đổi và các tác động của yếu tố kinh tế xã hội đến đời sống sinh hoạt tín ngưỡng của người đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào người

Lạch nói riêng. Bài nghiên cứu sử dụng góc nhìn của xã hội học để có thể nhìn nhận được vấn đề tạo nên sự biến đổi về nghi lễ tang ma của người Lạch một cách rõ nét hơn về vấn đề này.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã dựa trên nghiên cứu đi trước có liên quan để từ đó xây dựng lên khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu có thể áp dụng trong đề tài. Để có cái nhìn chung về sự biến đổi trong nghi lễ tang ma của người Lạch nhóm đã đưa ra các giai đoạn và quá trình thực hiện để khảo sát nhóm khách thể nghiên cứu. Thêm vào đó là các tác nhân đã tác động làm gây ra sự biến đổi đó một cách cụ thể và rõ ràng. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là loại bỏ dần những nhân tố gây kìm hãm sự tiến bộ và phát triển của con người. Những sự bài trừ các hủ tục giúp cho cộng đồng dân tộc thiểu số ngày càng đi lên về cả văn hóa và kinh tế xã hội. Từ đó, đưa ra được phương hướng phát triển mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

Đề tài nghiên cứu liên quan đến nhiều kiến thức, lĩnh vực chuyên môn khác nhau nhưng có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau. Đề tài có ý nghĩa thiết thực trong việc góp phần thúc đẩy các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Báo cáo tổng kết của đề tài cũng là một tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, giảng viên, các nhà nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội nói chung và Xã hội học nói riêng của nhà trường.

Khả năng áp dụng của đề tài: Mục đích của đề tài nhằm nhìn nhận sự biến đổi các nghi thức, bản sắc văn hóa truyền thống. Chúng ta có thể nhận thấy được những nguyên nhân gây ra sự biến đổi và tác động đến hành vi của con người như thế nào. Từ đó, có thể đánh giá và đưa ra giải pháp lưu giữ bản sắc văn hóa của nhóm dân tộc cơ ho Lạch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài:

……

……

Ngày 05 tháng 05 năm 2022

Sinh viên chịu trách nhiệm chính

thực hiện đề tài

(ký, họ và tên)

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài *(phần này do người hướng dẫn ghi):*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày 20 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học

(ký tên và đóng dấu)

Người hướng dẫn

(ký, họ và tên)

Mẫu 2. Thông tin về sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN

CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

I. SƠ LƯỢC VỀ SINH VIÊN:

Ảnh 4x6

Họ và tên: ĐẶNG TRẦN DUY

Sinh ngày: 16 tháng 09 năm 2000

Nơi sinh: Hà Nam

Lớp: XHK42 Khóa: 42 Khoa: Xã hội học và Công tác xã hội

Địa chỉ liên hệ: 42B - Khu Đồi Trà - Phường 8 - Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng

Điện thoại: 0983540619 Email: 1810618@dlu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP:

**** Năm thứ 1:***

Ngành học: Xã hội học Khoa: Xã hội học và công tác xã hội

Kết quả xếp loại học tập: Trung bình

Sơ lược thành tích:

**** Năm thứ 2:***

Ngành học: Xã hội học Khoa: Xã hội học và công tác xã hội

Kết quả xếp loại học tập: Trung bình

Sơ lược thành tích:

**** Năm thứ 3:***

Ngành học: Xã hội học Khoa: Xã hội học và công tác xã hội

Kết quả xếp loại học tập: Xuất sắc

Sơ lược thành tích:

Ngày 20 tháng 05 năm 2021

Xác nhận của trường đại học

(ký tên và đóng dấu)

Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài

(ký, họ và tên)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài báo cáo này được thực hiện một cách nghiêm túc, trung thực bằng nỗ lực nghiên cứu của chính tác giả, không gian lận, không sao chép từ các tài liệu khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính trung thực của toàn bộ nội dung khóa luận tốt nghiệp.

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đặng Trần Duy

PHẦN 1: MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, cái được coi là thước đo của sự tiến hóa và phát triển chính là những giá trị mà con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao cuộc sống của chính mình. Tất cả những thành tựu hoặc có giá trị vật chất, hoặc có giá trị tinh thần mà con người tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của chính mình trên tất cả các phương diện ngày một tốt hơn chính là văn hóa (Mai Văn Hai - Mai Kiệm 2003). Văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động. Nền văn hóa Việt Nam là sự hội tụ các giá trị văn hóa của 54 dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, góp phần hình thành nền văn hóa Việt Nam đa sắc thái (Trần Ngọc Thêm 1996).

Trải qua thời gian, những thói quen trong lao động, sản xuất, sinh hoạt của cá nhân, cộng đồng được lưu giữ và vận hành trở thành phong tục, tập quán. Hệ thống phong tục vô cùng đa dạng và phong phú, liên quan đến vòng đời của con người như phong tục về sinh đẻ, trưởng thành, cưới xin, mừng thọ và lên lão, ma chay...; hay liên quan đến hoạt động của con người theo chu kỳ trong năm như lễ hội, lao động…(Ngô Đức Thịnh 2001). Trong hệ thống phong tục, tang ma là một trong những phong tục lâu đời, bao gồm nhiều quy trình được thực hiện bởi những người đang sống đối với người đã chết. Đối với người Việt Nam, tang ma không chỉ là nghi lễ quan trọng đối với người chết, mà nó còn mang ý nghĩa tinh thần vô cùng to lớn đối với mỗi người, thể hiện lòng thương xót và kính thờ của người sống đối với người đã khuất (Bế Thị Thời 2010). Tuy nhiên mỗi vùng miền, mỗi dân tộc lại có những nghi lễ tang ma khác nhau.

Đám tang của người Lạch cũng như đám tang của người Thượng Tây Nguyên. “Dứt khoát trả người chết về với núi rừng không hề nuối tiếc viện đến hình thức thờ phụng tổ tiên”, từng cộng đồng người Thượng vẫn giữ người thân

của mình trong một không gian áp sát không gian người đang sống để có đủ thời gian tỏ hết tình thương mến lần cuối. Tỏ bằng lễ vật hàng ngày, cả bằng mọi khả năng trí tưởng tượng thẩm mỹ từ tượng mả và trang trí trên nhà mả cho đến tiếng chiêng nhịp múa".

Cuộc chia tay với người đã mất thật long trọng và thường kéo dài 2 -3 ngày trở lên. Ngày đầu đám tang mổ trâu uống rượu, chiêng trống đánh theo nhịp dồn dập, người khóc theo một nhịp điệu nhất định như một bài văn vần ca ngợi công đức của người chết, bày tỏ nỗi thương tiếc của mình và tay rung lục lạc theo điệu ứng khẩu của từng người. Người chết được hưởng một phần của cải mà gia đình chia cho, họ vẫn được chăm sóc trong những ngày tiếp theo bằng những lần cúng cơm. Sau 7 ngày, người sống phải quay về với xã hội của mình và không bao giờ quay lại nơi chôn người chết để thăm viếng. Trong một thời xa xưa, sau một lễ bỏ mả (bơ thi), người ta có thể cải táng người chết đem chôn vào mộ chung của dòng họ. Khi an táng, người ta cúng thêm một con gà trống làm cho nó chết dần với quan niệm cho là để hồn người chết nhập vào đó khỏi quay về làng gây phiền nhiễu người sống. Chủ nhà nhờ bà con vào rừng chặt cây đóng quan tài và trang trí lên đó bằng hình vẽ sặc sỡ, người chết được bó vào cái chiếu có trang trí hoa văn trông rất đẹp (bêl dang) và được đưa về nghĩa địa (liêng boic) phía mặt trời đi nghỉ sau một chu kỳ chiếu sáng. Văn hóa người Lạch có những nét đặc trưng riêng so với các nhóm Cơ ho cùng họ. Họ thờ nhiều thần, nhất là thần lúa. Lễ đâm trâu được tổ chức linh đình để cúng thần khi khởi công mùa cấy và thu hoạch lúa, hoa mầu. Vào ngày lễ, dân bản tụ tập đông đủ ở sân làng. Một cây nêu chạm trổ tinh vi, treo nhiều nhạc cụ, được dựng lên. Mỗi khi gió thoảng qua, các nhạc cụ va vào nhau vang lên âm thanh rất lạ tai. Một con trâu được cột dưới gốc cây nêu. Buổi lễ bắt đầu khi ngọn lửa được đốt lên. Thầy phù thủy cầm một cây thương dài, miệng ngậm con dao khá lớn, bên hông lại đeo một con dao to nữa, múa may quay cuồng trong tiếng chiêng cồng rền vang, rồi thình lình đâm vào con trâu. Đầu trâu được chặt treo lên cây nêu để làm vật tế lễ. Sau đó mọi người cùng múa

hát và lăn xả vào xẻ thịt con trâu ăn mừng lễ cúng Yàng, bên những ché rượu cần cong vút. Những thăng trầm vào thời xa xưa đã đưa người Lạch cũng như các cư dân Thượng đến giữa vùng rừng núi, áp đặt cho họ một khung cảnh hoang dã và tự nhiên. Họ buộc phải chọn một cách ứng xử nước đôi trước tự nhiên: đối phó với môi trường chung quanh và thích ứng với nó, một thái độ mềm dẻo đã ăn sâu trong từng nếp sống của họ" (Những kết quả nghiên cứu kinh tế xã hội Lâm Đồng, Đà Lạt,1989). Người Lạch là một dân tộc lâu đời trên vùng đất Tây Nguyên nhưng do sự xuất hiện của thực dân Pháp và dân tộc Kinh đã làm thay đổi hay xuất hiện sự tiếp biến văn hóa. Từ lý do đó, nên em chọn đề tài *"Biến đổi nghi lễ tang ma của người Lạch ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng"*. Để có thể tìm hiểu được văn hóa truyền thống của người Lạch và nhìn nhận được sự thay đổi đó trong thời đại hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

- Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống, thực trạng và những biến đổi trong nghi lễ tang ma của người Lạch ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ trước khi tổ chức tang lễ của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ khi tổ chức tang lễ của người Lạch.
- Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ sau khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Nghi lễ tang ma của người Lạch.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Người Lạch tại xã Lát và thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người Lạch hay còn gọi là người Cơ ho Lạch (Làc, Lat, M'Lates) thuộc nhóm cư dân nhỏ người Cơ ho. Họ sống lâu đời trên cao nguyên Lang Biang. Với đặc điểm sống gắn liền với tự nhiên và có một nét văn hóa truyền thống đặc trưng riêng của nhóm người này. Ngày nay, người Lạch sống giải rác xung quanh chân núi Lang Biang và chưa có nhiều nghiên cứu về phong tục, văn hóa truyền thống của nhóm người này.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được tiến hành tại xã Lát và thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Đề tài được nghiên cứu với cách tiếp cận: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu mang tính đặc trưng của chuyên ngành Xã hội học, cụ thể như sau:

** Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp:*

Đề tài tham khảo và kế thừa các nghiên cứu có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, bao gồm các công trình đã xuất bản, kết quả các chương trình, dự án nghiên cứu do các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện, các báo cáo số liệu thống kê từ huyện đến xã, các sở ban ngành có liên quan. Những tài liệu này giúp tác giả thiết kế nghiên cứu, đặc biệt là bộ công cụ và xây dựng thư mục tham khảo cho đề tài.

** Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:*

Đề tài sử dụng bảng hỏi là công cụ thu thập thông tin chủ yếu, dựa trên những khái niệm đã được thao tác hóa một cách chi tiết. Ngoài các thông tin nhân khẩu học, bảng hỏi sẽ gồm 4 phần.

Phần 1: Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống của người Lạch.

Phần 2: Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ trước khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

Phần 3: Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

Phần 4: Tìm hiểu thực trạng và những biến đổi nghi lễ sau khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

Cách chọn mẫu: Mẫu nghiên cứu sẽ được chọn theo phương pháp chọn mẫu chủ đích thuận tiện, với dung lượng mẫu khoảng 100 mẫu.

** Phương pháp phỏng vấn sâu:*

Trong nghiên cứu này nhóm tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập và phân tích các thông tin. Nghiên cứu tiến hành 04 cuộc phỏng vấn sâu đối với các đối tượng: 01 phỏng vấn sâu cán bộ xã để lấy thông tin về người dân trong xã, những người thuộc đối tượng nghiên cứu cũng như hiểu biết của cán bộ xã về nghi lễ tang ma của người Lạch, 03 phỏng vấn sâu người già, già làng để nắm rõ hơn, tìm hiểu sâu về các phong tục, nghĩ lễ tang ma xưa kia và đánh giá của họ về sự thay đổi các thủ tục, nghi lễ tang ma.

** Phương pháp xử lý thông tin:*

Đối với số liệu định tính: được tổng hợp, sàng lọc và phân loại theo từng chủ đề theo mục đích nghiên cứu.

Đối với số liệu định lượng: được phân tích và xử lý trên phần mềm SPSS 20.0 để tính toán các tần xuất của các biến và tương quan giữa các biến.

5. Cấu trúc đề tài

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận. Đề tài được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài

Chương 2: Tìm hiểu thực trạng và sự biến đổi trước, trong và sau nghi lễ tang ma của người Lạch.

Chương 3: Đánh giá các yếu tố động đến sự biến đổi nghi lễ tang ma của người Lạch.

PHẦN 2: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỀ TÀI

1. Cơ sở lý luận

1.1. Hệ thống khái niệm sử dụng trong nghiên cứu

1.1.1. Khái niệm văn hóa

Có nhiều cách hiểu khác nhau về văn hóa:

Văn hóa là cách con người quan niệm về cuộc sống và sống chính cuộc sống đó (Nguyễn Thị Diễn và Cộng sự, 2009).

Văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm, quyết định tính cách, bản sắc của một cộng đồng, một dân tộc. (Trần Ngọc Thêm, 2013).

Văn hóa là một tập hợp những quan niệm, giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu ứng xử và mục tiêu mà mọi người cùng nhau chia sẻ trong hoạt động sống hàng ngày (Tống Văn Chung, 2000).

Từ những khái niệm trên, trong đề tài khái niệm văn hóa là một tập hợp những quan niệm, giá trị, chuẩn mực, mục tiêu được mọi người cùng nhau chia sẻ trong cuộc sống, quyết định tính cách, bản sắc của một cộng đồng, một dân tộc.

1.1.2. Khái niệm biến đổi xã hội

Biến đổi xã hội là một quá trình qua đó những khuôn mẫu của các hành vi xã hội, các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội và các hệ thống phân tầng xã hội được thay đổi theo thời gian (Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng, 2001).

1.1.3. Khái niệm nghi lễ

Nghi lễ là hoạt động lặp đi lặp lại, tách riêng khỏi những hoạt động hàng ngày; nghi lễ theo đúng một mô hình nhất định do văn hóa đặt ra; hoạt động nghi lễ liên quan chặt chẽ đến một số tư tưởng thường xuất hiện trong huyền thoại. Mục đích của thực hiện nghi lễ là để hướng dẫn việc lựa chọn tư tưởng và thực thi chúng qua biểu tượng (Nguyễn Thị Song Hà, 2011).

1.1.4. Khái niệm tang ma

Tang là sự đau buồn khi có người thân mới chết, là lễ chôn cất người chết (an táng, mai táng), là dấu hiệu (áo, mũ, khăn...) để tỏ lòng thương tiếc người chết.

Tang chế là phép tắc quy định việc đưa đám và để tang.

Tang lễ (lễ tang) là nghi lễ chôn cất người chết.

Từ đó có những từ: tang phục, tang sự, tang gia, tang chủ, đám tang, để tang, bịt khăn tang, đeo băng tang, mãn tang, xả tang, tống tang, hộ tang ...

Ma (ma chay) là lễ chôn cất và cúng người chết theo tục lệ cổ truyền. Đám ma còn gọi là đám tang.

Như vậy tang ma có nghĩa là lễ chôn cất cúng kính, cùng những quy định về việc để tang và đưa đám người thân mới chết… (Vinh Hồ, 2005).

Tang ma là cách thức và nghi lễ liên quan đến người chết và những tín ngưỡng gắn liền với nghi lễ đó mà trọng tâm là làm thế nào để đưa linh hồn người chết về "an cư" ở thế giới bên kia (Nguyễn Thị Song Hà. 2011).

Khái niệm tang ma của tác giả Vinh Hồ đã giải thích rõ ràng ý nghĩa từng từ đơn trong các từ ghép có liên quan đến tang ma, từ đó tác giả đưa ra khái niệm vừa ngắn gọn, vừa dễ hiểu, vì vậy đề tài đã sử dụng khái niệm này để làm cơ sở cho nghiên cứu.

1.1.5. Biến đổi xã hội

Biến đổi xã hội là một quá trình qua đó những khuôn mẫu của các hành vi xã hội, các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội và các hệ thống phân tầng xã hội được thay đổi theo thời gian (Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng, 2001).

Mọi xã hội đều không ngừng biến đổi, sự ổn định của xã hội chỉ là sự ổn định bề ngoài, mang tính tạm thời còn thực tế nó không ngừng biến đổi. Đối với xã hội hiện đại sự biến đổi càng rõ hơn và nhanh hơn. Rõ ràng là, sự biến đổi xã hội không phải là điều mới mẻ, mà là chuyện diễn ra thường xuyên và thường ngày.

Có nhiều cách quan niệm về sự biến đổi xã hội. Theo một cách hiểu rộng nhất, biến đỏi xã hội là sự thay đổi so sánh giữa tình trạng hiện tại của xã hội cũng như các bộ phận, yếu tố cấu thành xã hội so với tình trạng cũ hay trong quá khứ. Trong phạm vi hẹp, người ta lại cho rằng sự biến đổi xã hội chính là sự biến đổi về cấu trúc xã hội (hay tổ chức xã hội của xã hội đó) và sự biến đổi này ảnh hưởng sâu sắc đến mọi thành viên của xã hội. Tuy nhiên, đó chỉ là hai trong rất nhiều cách biểu hiện về sự biến đổi xã hội.

Nói đến sự biến đổi là nói đến sự thay đổi, song không phải sự thay đổi nào cũng được gọi là sự biến đổi xã hội, mà chỉ những thay đổi có ảnh hưởng sâu sắc tới đông đảo cá nhân trong xã hội, hay sự thay đổi của các cơ cấu tổ chức, các tầng lớp xã hội… mới được gọi là biến đổi xã hội. Sự biến đổi xã hội không chỉ diễn ra ở tầm vĩ mô, mà cả ở tầm vi mô, không chỉ trên lĩnh vực cấu trúc thượng tầng, mà còn cả ở nền sản xuất vật chất hay cơ sở hạ tầng. Sự biến đổi xã hội, không chỉ theo chiều hướng tiến bộ, tiến hóa, mà có thể cả theo bước thụt lùi xã hội.

Từ cách hiểu đó, ta có thể thống nhất khái niệm về sự biến đổi xã hội như sau: *Biến đổi xã hội là một quá trình, qua đó những khuôn mẫu của các hành vi xã hội, các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội và các hệ thống phân tầng xã hội được thay đổi theo thời gian.*

Theo quan điểm của triết học, mọi sự vật và hiện tượng đều biến đổi và phát triển, đứng yên chỉ là hình thức tồn tại nhất thời của vận động. Và cũng như vậy, xã hội cũng giống như các thực thể khác không ngừng vận động và thay đổi. Tất cả các xã hội đều ở trong một tình trạng "đứng yên trong sự vận động liên tục", có chăng chỉ khác nhau ở mức độ hay phạm vi của sự biến đổi từ xã hộ này đến xã hội khác. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, ở những thời kỳ lịch sử trước, sự biến đổi xã hội thường diễn ra rất chậm chạp. Ví dụ, ở các xã hội săn bắn và hái lượm, tuy họ chấp nhận lối sống mới và từ bỏ những phong tục truyền thống nhưng họ làm điều đó rất chậm chạp, trải qua hàng thế kỷ, thậm chí hàng

triệu năm. Đến xã hội nông nghiệp sự biến đổi xã hội có khá hơn, song vẫn còn chậm chạp. Và phải đến xã hội công nghiệp cùng với sự hình thành các đô thị, và đặc biệt là đến xã hội hậu công nghiệp, tốc độ biến đổi xã hội diễn ra nhanh hơn và sự biến đổi xã hội chỉ trải qua vài thập kỷ, thậm chí một vài năm.

Căn cứ vào phạm vi ảnh hưởng của biến đổi xã hội, ta có thể chia nó ra thành hai cấp độ như sau:

- *Những biến đổi vĩ mô:* Đó là những biến đổi diễn ra và trải rộng trên một phạm vi lớn, trong đó, chúng được diễn ra trong những thời kỳ dài. Sự biến đổi vĩ mô có thể không nhận thấy được vì nó diễn ra quá chậm chạp đối với con người. Một ví dụ về sự biến đổi vĩ mô là sự hiện đại hóa, đó là một quá trình các xã hội trở nên khác nhau bên trong nhiều hơn, như sự thay đổi các thiết chế xã hội giản đơn bằng những thiết chế xã hội phức tạp hơn.
- *Những biến đổi vi mô*: Đó là những biến đổi nhỏ, nhanh, được tạo ra bởi những quyết định, những hành vi trong quan hệ tương tác của con người trong đời sống hằng ngày.

2. Các lý thuyết ứng dụng trong đề tài

2.1. Lý thuyết cấu trúc chức năng

Lý thuyết cấu trúc chức năng còn được gọi là thuyết chức năng cấu trúc, thuyết chức năng hay thuyết hệ thống ra đời vào những năm 40, 50 của thế kỷ XX. Lý thuyết cấu trúc chức năng là lý thuyết mô tả cấu trúc xã hội và các chức năng tương ứng với mỗi loại hình cấu trúc đó. Theo thuyết chức năng, xã hội chia thành các bộ phận, mỗi bộ phận đảm nhiệm một chức năng khác nhau đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Các luận điểm gốc của thuyết cấu trúc chức năng đều nhấn mạnh tính cân bằng, ổn định và khả năng thích nghi của cấu trúc. Một xã hội tồn tại, phát triển được là do các bộ phận cấu thành của nó hoạt động nhịp nhàng với nhau để đảm bảo sự cân bằng chung của cấu trúc; bất kỳ một sự thay đổi nào ở thành phần nào cũng kéo theo sự thay đổi ở các thành phần khác. Sự biến đổi của cấu trúc tuân

theo quy luật tiến hóa, thích nghi khi môi trường sống thay đổi; sự biến đổi của cấu trúc luôn hướng tới thiết lập lại trạng thái cân bằng ổn định (Lê Ngọc Hùng 2002).

Quan điểm chức năng coi trọng sự khác biệt về văn hóa, và cho rằng nhờ có sự khác biệt này mà từng bộ phận của xã hội cũng như các xã hội có thể nương tựa lẫn nhau và bổ sung cho nhau để vận hành trong thế cân bằng và ổn định… Nghiên cứu văn hóa như một chỉnh thể thống nhất cần chia tách chỉnh thể (văn hóa) thành ra các bộ phận, các yếu tố và vạch ra những mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. Ở đây, mỗi tế bào hay yếu tố (một khuôn mẫu, một vai trò, một thể chế, phong tục…) của văn hóa đều có một chức năng xã hội nhất định, mỗi yếu tố riêng lẻ vừa là chính nó, vừa như một khâu, một mắt xích, mà nếu thiếu chúng thì văn hóa không thể tồn tại như một chỉnh thể. Khái niệm chức năng, với Malinowski, giống như một công cụ để khám phá và giải thích các hiện tượng văn hóa cụ thể. Ông cho rằng, văn hóa là tổng thể những đáp ứng đối với các nhu cầu sống cơ bản và nhu cầu sản xuất của con người, trong đó bao gồm từ những dụng cụ nhà bếp và những sản vật tiêu dùng đến những pháp điển tổ chức việc nhóm họp xã hội, từ những tư tưởng và nghệ thuật đến những tín ngưỡng phong tục, đạo đức, v.v… Đó là một hệ thống cân bằng, trong đó mỗi yếu tố hoặc bộ phận đều thực hiện chức năng của nó (Mai Văn Hai - Mai Kiệm 2003).

Lý thuyết cấu trúc - chức năng giúp chúng ta hiểu đươc sự liên kết, cũng như vai trò giữa các nghi thức, nghi lễ tang ma của người dân tộc Lạch. Mỗi sự vật, hiện tượng tồn tại đều có chức năng riêng. Mỗi nghi lễ, phong tục trước khi đưa tang và sau khi đưa tang là một bộ phận tạo thành một chỉnh thể. Khi một bộ phận thay đổi, nó có thể kéo theo sự thay đổi của các bộ phận khác hoặc toàn bộ hệ thống.

2.2. Lý thuyết biến đổi xã hội

Lý thuyết về biến đổi xã hội trong xã hội học bắt đầu với quan điểm của Auguste Comte (1798 – 1857). Theo Comte, biến đổi xã hội chắc chắn sẽ xảy ra theo một con đường phát triển và hướng đến một sự tiến bộ hơn.

Cũng giống như tự nhiên, mọi xã hội không ngừng biến đổi. Sự ổn định của xã hội chỉ là sự ổn định của bề ngoài, còn thực tế nó không ngừng thay đổi bên trong bản thân nó. Bất cứ xã hội nào và bất cứ nền văn hóa nào, cho dù nó có bảo thủ và cổ truyền đến đâu chăng nữa cũng luôn biến đổi; sự biến đổi trong xã hội hiện đại ngày càng rõ hơn, nhanh hơn, và điều này cho thấy rõ hơn là sự biến đổi đó không còn là điều mới mẻ, nó đã trở thành chuyện thường ngày. Mọi cái đều biến đổi và xã hội cũng giống như các hiện thực khác, không ngừng vận động và thay đổi. Tất cả các xã hội đều ở trong một thực trạng *đứng yên trong sự vận động liên tục*. Có nhiều cách quan niệm về sự biến đổi xã hội, như:

Phạm vi rộng: biến đổi xã hội là một sự thay đổi so sánh với một tình trạng xã hội hoặc một nếp sống có trước.

Phạm vi hẹp: biến đổi xã hội là sự biến đổi về cấu trúc xã hội hay tổ chức xã hội của xã hội đó, mà sự biến đổi này ảnh hưởng sâu sắc đến phần lớn các thành viên của một xã hội.

Riêng những biến đổi chỉ tác động đến một số ít cá nhân, thì ít được các nhà xã hội học quan tâm và chú ý.

Như vậy, biến đổi xã hội là một quá trình qua đó những khuôn mẫu của các hành vi xã hội, các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội và các hệ thống phân tầng xã hội được thay đổi theo thời gian (Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng 2001).

Lý thuyết này góp phần vào việc phân tích sự biến đổi của các nghi lễ, phong tục và quan niệm tang ma của người Lạch. Mọi hiện tượng trong xã hội đều có sự thay đổi, nó có thể là tích cực hay tiêu cực, cũng có thể chả tác động gì tới xã hội. Lý thuyết này lý giải vì sao lại có sự thay đổi của các nghi lễ, phong tục đó.

2.3. Cách tiếp cận phong cách sống và phong cách văn hóa

Theo Max Weber, một trong những cách tiếp cận truyền thống và quen thuộc của Xã hội học là dựa trên cấu trúc xã hội với những tiêu chí cụ thể của việc nghiên cứu cấu trúc xã hội, với tính chất có hệ thống của nó, làm bộc lộ những khác biệt, mâu thuẫn hoặc bất bình đẳng giữa các tầng lớp, các giai cấp, các nhóm xã hội khác nhau, qua đó nhà khoa học có thể phát hiện ra tính chất phù hợp hay không phù hợp giữa thực tại và lý tưởng với tư cách là mục tiêu của sự phát triển. Kết quả của những nghiên cứu như vậy cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá và hoạch định các phương hướng của các cuộc cải cách hay cải tạo xã hội. Tiếp cận nghiên cứu cấu trúc xã hội, vì vậy, không chỉ có chức năng phân tích thực tại khách quan, mà còn có tác dụng định hướng trong việc đề xuất các chủ trương, giải pháp hành động nhằm điều hòa và làm ổn định sự vận hành trong các xã hội truyền thống.

Quan sát đời sống hàng ngày người ta nhận thấy, do cần phải đấu tranh sinh tồn trong xã hội hiện đại, nơi mà những biến đổi diễn ra nhanh hơn bao giờ hết, mỗi người đều sẵn sang thay đổi mô hình ứng xử quen thuộc đã được hình thành trong các điều kiện thuận lợi và ổn định trước đó… Sự "thay đổi về tổ chức của các tiểu sử cá nhân", về thực chất là sự giải phóng khỏi tác động đơn tuyến của môi trường xã hội truyền thống cộng với quyền tự do lựa chọn các phong cách sinh sống và phong cách văn hóa của con người trong thời kỳ hiện đại. Trên ý nghĩa này chính là sự khẳng định sự chuyển tiếp từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại được đặc trưng bởi logic chuyển tiếp từ văn hóa đơn phong cách sang văn hóa đa phong cách. Bước vào thời kỳ hiện đại, con người không còn bị đúc khuôn cứng nhắc vào một giai tầng hay một nhóm xã hội mà ở đó họ có chung nguồn gốc, học vấn, uy tín hay mức thu nhập (Mai Văn Hai - Mai Kiệm 2003). Phong tục tang ma thể hiện phong cách văn hóa của dân tộc Lạch và trong thời kỳ hiện nay nó cũng có sự thay đổi, và chấp nhận 1 số nghi lễ, thủ tục tang ma của các dân tộc khác, tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Thông qua lý thuyết này ta có thể lý giải được một phần nguyên nhân gây nên sự thay đổi nghi lễ, phong tục tang ma của người dân tộc Lạch. Và hiểu được những thay đổi đó tác động như thế nào đến những cá nhân trong cộng đồng người Lạch nói riêng và các quan hệ xã hội khác nói chung.

3. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu

Theo các tài liệu thu thập được thì địa bàn cư trú chính của người Lạch là thành phố Đà Lạt và xã Lát thuộc huyện Lạc Dương (Lâm Đồng) ngày nay. Tên gọi thành phố cũng bắt nguồn từ đó: Đạ Lạch (đất người Lạch, đất người ở rừng thưa). Về phía Bắc, ta có thể lấy đầu nguồn các con suối sau dãy Lang Biang, đổ vào sông Da Deung (Hồ Đan Kia) kéo dài đến Ankrọt về phía Tây. Phía Đông là con suối Da Sar làm ranh giới đất Lạch với các buôn người Chil: Đơng Tiêng Liêng, Rhàng Groi, Par Smếch, Yô Mnang (xã Đạ Sa, huyện Lạc Dương) kéo thẳng xuống Trại Mát (Đà Lạt). Ranh giới phía Tây ta có thể kẻ đường chéo từ Ankrọt, nơi hợp lưu con suối Da Myut, Da M'Lot vào Da Deung chếch theo hướng Đông Nam theo chân núi Yô Lu Ruas (Núi đá Voi) đến gần chân núi M'Nil. Về phía cực Nam, ta có thể lấy thác Prenn làm ranh giới.

Ruộng Lạch được canh tác theo các con suối chia thành sáu khu vực:

- Dọc các con suối đổ vào Da Deung (hồ Suối Vàng và Đan Kia, trung tâm xã Lát);

- Khu hợp lưu các con suối từ Lang Biang, Láp Bê Bắc xuống Da Sar (đồn điền Da Sar cũ);

- Từ Học viện lục quân men theo con suối đổ vào hồ Xuân Hương đến thác Cam Ly (con suối mang tên Đạ Lạch);

- Ven suối Tría;

- Ven suối Prenn;

- Dọc suối Cam Ly (phi trường Cam Ly).

Trên vùng đất rộng lớn, với cư dân ít ỏi, người Lạch sống và canh tác theo từng buôn nhỏ (trên dưới chục ngôi nhà) nhưng tên đất vẫn được gọi theo một số

dòng họ: Bon Yô, Bon Ding, Đa Gút, Lơm M'Biêng, Bon Nơr, Krajănh. Đây như một biểu hiện sự nghi nhận công lao những người, những dòng họ khai phá đầu tiên.

Buôn làng xưa được xây dựng gần nguồn nước, không xa nơi canh tác. Ngay trên địa bàn Đà Lạt hiện tại, người Lạch vẫn còn có thể chỉ cho ta những địa điểm buôn cũ của ông bà tổ tiên mình, như ở đồi Trường cao đẳng sư phạm Lâm Đồng (Bon Đơng), Học viện lục quân (Rhàng Bon Yô), ấp Hồng Lạc (Klir Towach), Bệnh viện Lâm Đồng, ấp Mỹ Lộc (Đa Gút), chân thác Cam Ly (Rhang Pang M'ly), sân bay Cam Ly (Mang Ling) ...

Sống tương đối cố định trên một vùng đất của buôn làng, nhưng người Lạch trong suốt chiều dài lịch sử không ít lần dời làng do nhiều nguyên nhân khác nhau. Chẳng hạn, Bon Đa Gút được ông Kơ M'Lơi, một hậu duệ của dòng họ này, kể lại lộ trình di chuyển theo thứ tự thời gian như sau: Bệnh viện Lâm Đồng (Yô Brah Sét) - Suối Tía (Da Bla, Da Tria) - ấp Mỹ Lộc (Đăng Ba Sơn Kô) - Đa Phú (Pnar huy) - Ankroet - Dang gia (Đan Kia) - Bon Dơng (Trung tâm xã Lát). Khi chuyển đến Ankroet ở chung với nhiều buôn khác, có ông Brài lấy với là bà Nàng, đưa vợ về bên ngoại (tức là bên nội theo cách hiểu của người Việt) để kế thừa phần đất của cha mẹ để lại và lập nên làng Mang Ling (ngọn đồi đó vẫn còn mang tên ông: Đăng Brài - Tông). Một buôn khác ở trường cao đẳng sư phạm Lâm Đồng dời làng tách thành hai nhóm, một nhóm theo lộ trình Học viện lục quân Đà Lạt (R'Hàng Bon Yô) - ấp Thánh Mẫu - Ankroet (R'Hàng Kroet) - Đơn tiêng đê (trung tâm xã Lát); nhóm thứ hai: Trường cao đẳng sư phạm Lâm Đồng - dọc suối Prenn (Bon Mho Prềnn) - Đơng Kriang (Định An). Bà Nga Mho Prềnn thuộc dòng họ này kể lại rằng, tổ tiên của bà ở Đà Lạt được 7 đời, thì mới chuyển xuống Định An.

Nhiều buôn (dòng họ lớn) bị li tán, phải bỏ đi xa vì sự thù hận, như Đa Gút, bị bệnh dịch hoành hành, như Bon Nơr phải dời đi trong đêm đổi họ thành Chil (Chil mup, Chil tiêng Kla), vì chiếm đất xảy ra đụng độ, như buôn ở đất Bon

Ding, sau trận chết hàng trăm người phải để lại một nghĩa địa (phía Bắc Thung lũng Tình yêu) với tên gọi khủng khiếp trong truyền thuyết (Boic Sré Mạ Chạ Srèng Hòng) như làng Lơm M'biêng bỏ hẳn xuống Đơn Dương, và vì công nợ, bán đất như Bon Mho Prềnn v.v... Những tai họa như vậy, dồn dập và liên miên đã xô đẩy các buôn làng người Lạch vào một góc phía Tây Nam, nối dài với người Srê tạo thành một vệt dân cư làm ruộng từ Ankrọt qua Tà Nung xuống Lâm Hà, Đức Trọng đến Di Linh, nên khi người Pháp đặt chân lên cao nguyên Lang Biang cũng chỉ gặp được một vài làng người Lạch, hay chỉ thấy những "người con của rừng thông" (cau n'ho) là người Chil.

Tuy nhiên, sau quá trình thực địa và theo lời kể của những người Lạch tại thị trấn Lạc Dương và xã Lát. Hiện nay, người Lạch chỉ còn tập trung chủ yếu ở hai nơi đó là chân núi Langbiang và sống giải rác sau trong xã Lát hiện nay. Vì vậy để tìm hiểu được rõ về đề tài này. Em đã chọn địa bàn nghiên cứu là xã Lát và thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng để tiến hành khảo sát và nghiên cứu đề tài.

4. Tổng quan về khách thể nghiên cứu

4.1. Cơ cấu nhóm tuổi điều tra

Bảng 1.1. Bảng phân phối tuổi của nhóm điều tra

(Mẫu: 100, Đơn vị tính: %)

Nhóm tuổi	**Tỷ lệ**
Nhỏ hơn 30 tuổi	8
31 tuổi – 50 tuổi	36
51 tuổi – 70 tuổi	56
Lớn hơn 70 tuổi	0
Tổng	**100**

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Dựa vào quá trình nghiên cứu và chọn lọc trong quá trình nghiên cứu. Đề tài tập trung tìm hiểu biến đổi nghi thức nghi lễ truyền thống. Vì vậy, cơ cấu tuổi có phần chọn lọc về độ tuổi của nhóm phỏng vấn để có được kết kết quả tốt nhất.

Như trên bản đồ ta thấy nhóm tuổi từ 51 tuổi đến 70 tuổi chiếm ưu thế là 56% tiếp đến là nhóm tuổi từ 31 tuổi đến 50 tuổi là 36%. Về nhóm trên 70 tuổi rất khó tiếp cận vì có rất ít người Lạch còn sống hay hoạt động minh mẫn để có thể điều tra và cho kết quả chính xác nhất nên đề tài không thể thu thập thông tin của nhóm người có độ tuổi là trên 70 tuổi.

Trong quá trình điều tra, quá trình tiếp cận đối tượng để thực hiện phỏng vấn nhóm tuổi nhỏ hơn 30 tuổi hầu như không biết về các nghi lễ tang ma và các nghi thức truyền thống. Tương tự với nhóm từ 31 tuổi đến 50 tuổi nhờ được ông bà, bố mẹ kể lại nên có thể biết và nhận thức được sự thay đổi của tang ma truyền thống với hiện nay.

4.2. Tôn giáo của nhóm khách thể nghiên cứu

Tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là đa thần. Đố là vị thần Yang khai sáng vũ trụ, có quyền tối thượng, và con người khó có thế liên hệ được. Ngược lại các vị thần mặt trời, mặt trăng, núi, đất, sông, …. Rất gần gũi với đời sống tâm linh được thờ cúng thường xuyên để cầu xin điều tốt lành. Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có cả một hệ thống ma, trong đó có ma lành và ma dữ để cầu cúng vào dịp mùa màng, tang gia, ốm đau… Đáng chú ý hiện tượng ma lai được xem là ma dữ làm hại đến tính mankg con người trong buôn làng dòng họ. Tây Nguyên còn là vùng văn hóa của lễ hội mang tính đặc thù như đâm trâu, lễ hội cồng chiêng, đua voi và đặc biệt là tục bỏ mả. Về tôn giáo cảu dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên giáo sư Đặng Nghiêm Vạn viết: “Nên có thể nói, hệ tôn giáo của người Trường Sơn Tây Nguyên là thờ bản mệnh cá nhân, gia đình dòng họ và buôn làng và các thiên thần, các vị anh hùng hư hư thực thực, tổ tiên dòng họ gia đình, đứng đầu là một ông trời chung Yàng, tất cả quyện làm một với

một huyền hoại suy tôn một cặp đôi, người sống sót sau nạn hồng thủy, thủy tổ của dân tộc".

Những thập niên gần đây, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam có những biến động lớn, biểu hiện như: sự tăng cường truyền giáo của các tôn giáo lớn, sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới, sự phai nhạt thực hành tín ngưỡng truyền thống, sự tiếp biến thiếu chọn lọc sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc khác, ... (Công giáo từ những năm 1850, đạo Tin lành từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX) nhưng phát triển khá cầm chừng. Tuy nhiên, những thập niên gần đây, hai tôn giáo này, đặc biệt là Tin lành phát triển rất nhanh, có tính đột biến trong nhiều vùng đồng bào DTTS. Một bộ phận đồng bào DTTS trước đây đã từng theo Công giáo, qua một thời gian nhạt đạo nay trở lại đạo. Đồng thời, hai tôn giáo này cũng thu hút được rất đông tín đồ là người DTTS ở cả những vùng trước đây vốn chưa hề có sự hiện diện của tôn giáo, thậm chí cả trong các vùng căn cứ kháng chiến cũ và thu hút được một bộ phận cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, Phật giáo cũng được quan tâm thúc đẩy mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở khu vực này. Giáo hội Phật giáo đã từng tổ chức các cuộc đại quy y cho hàng ngàn đồng bào DTTS ở các tỉnh Tây Nguyên. Tuy nhiên, Phật giáo không có được nhiều thuận lợi như Tin lành và Công giáo trong việc duy trì sinh hoạt, củng cố đức tin cho đồng bào. Tương tự với đồng bào người Lạch cũng đã lựa chọn những tôn giáo để thờ phượng.

Bảng 1.2. Bảng phân phối tôn giáo của nhóm điều tra

(Mẫu 100, Đơn vị tính: %)

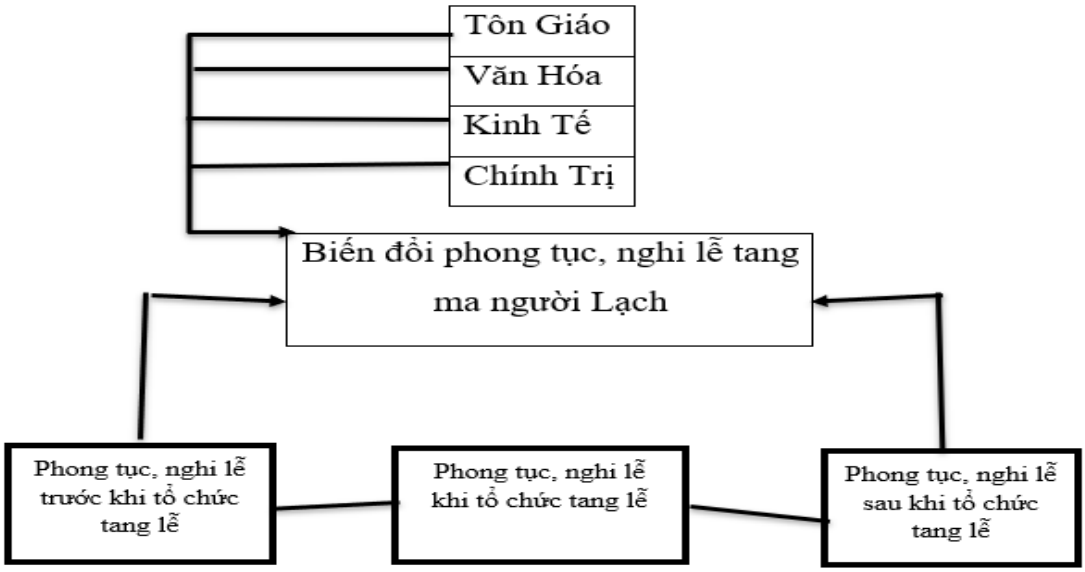
Tôn giáo	**Tỷ lệ**
Công giáo (Thiên Chúa Giáo)	53,0
Tin Lành	40,0
Phật Giáo	1,0
Không theo tôn giáo nào	5,0

Tôn giáo khác	1,0
Tổng	100,0

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Qua số liệu điều tra, cho ta thấy rằng tỷ lệ người được khảo sát theo tôn giáo chiếm tỷ lệ rất cao và tập trung lớn là đạo Công giáo và Tin Lành tương ứng là 53% và 40%. Với một số nét khác nhau căn bản như trên cho thấy mặc dù cùng ra đời trên một nền tảng giáo lý nhưng Đạo Tin lành đã có những điều chỉnh, thay đổi từ nội dung giáo lý, giáo luật, lễ nghi đến cơ cấu tổ chức, cách thức sinh hoạt so với đạo Công giáo nên trở thành tôn giáo có màu sắc mới mẻ, đơn giản, dễ được các đối tượng là thị dân trong xã hội công nghiệp hoặc quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp nhận. Một bộ phận rất nhỏ chỉ chiếm khoảng 7% là theo Phật giáo, tôn giáo khác hoặc không theo. Hiện nay, tại các vùng tập trung người Lạch sinh sống, Thiên Chúa giáo và Tin Lành đã trở nên lấn át các tôn giáo khác và không ngoài lệ các tín ngưỡng truyền thống cũng đã bị lãng quên dần theo thời gian.

5. Khung phân tích



Trong thời kì phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Phong tục tang ma truyền thống của người Lạch đã có sự thay đổi. Theo đề tài nghiên cứu những yếu tố văn hóa, kinh tế, tôn giáo và chính trị có tác động trực tiếp gây nên những biến đổi trong quá trình thực hiện tang ma cho người chết và quan niện của người sống về tang ma và kiêng kị. Dựa vào lý thuyết biến đổi xã hội và lý thuyết cấu trúc chức năng, làm rõ các nghi thức trong tang ma của người Lạch, qua đó tìm ra sự biến đổi của nghi lễ tang ma.

CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU THỰC TRẠNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI TRƯỚC, TRONG VÀ SAU NGHI LỄ TANG MA CỦA NGƯỜI LẠCH

2.1. Thực trạng và biến đổi trước khi tổ chức nghi lễ tang ma của người Lạch

2.1.1. Quan niệm của người Lạch về tang ma

Với bất kỳ dân tộc nào, các nghi lễ phong tục đều mang cho mình những ý nghĩa khác nhau. Các ý nghĩa này không chỉ tạo dựng nên nét đặc trưng cho từng phong tục, nghi lễ mà nó còn giúp các nghi lễ phong tục này tồn tại lâu dài. Đối với người dân tộc Lạch, phong tục tang ma là một phong tục tập quán mang bản sắc văn hóa. Theo quan niệm thông thường của người Lạch, chết không phải là kết thúc hoàn toàn, họ sẽ chuyển đến một vùng đất của cha ông để tiếp tục sinh sống. Cũng giống như các dân tộc Thượng Tây Nguyên người Lạch luôn tin và làm việc theo các vị thần của tự nhiên. Mọi việc xảy ra khác thường đều là các thần tạo ra để trừng phạt hay giúp đỡ dân làng mình. Khi còn sống với nhau, hay đã chết thì đạo lý người Lạch đã chỉ ra rằng, nên đối xử tốt đẹp với nhau thì khi có người chết, đạo lý ấy cũng khuyên người sống phải chăm lo tận tình. Cho dù đã chết mình người ấy chưa về với ông bà thì người ấy vẫn đang sống bên cạnh mình nên vẫn phải chăn sóc. Đó là trách nhiệm, bổn phận, đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người thông qua nghi lễ tang ma. Xuất phát từ đạo lý đó những người được hỏi, có những quan niệm khác nhau về ý nghĩa của phong tục tang ma.

Bảng 2.1. Quan niệm về ý nghĩa tang ma

(Mẫu 100, Đơn vị tính: %)

Quan niệm	Tỷ lệ
Để hồn người chết được siêu thoát	4,0
Bày tỏ lòng thương xót và kính thờ người chết	7,0
Để người sống yên tâm	10,0
Đưa người thân sang một thế giới khác	79,0
Tổng	100,0

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Theo số liệu điều tra, 79% những người tham gia phỏng vấn đều cho rằng ý nghĩa của phong tục tang ma là đưa người thân sang một thế giới khác *(Bảng 3)*. Cái chết là nghi lễ vòng đời cuối cùng của mỗi con người, bởi sau này sẽ không còn cơ hội, để báo hiếu công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ/ông bà, đây là bổn phận của cháu con. Đồng thời tổ chức tang lễ còn giúp cho con cháu ở xa có cơ hội được báo hiếu, chịu tang ông bà/cha mẹ, thể hiện trách nhiệm và quan hệ huyết thống của mình với người đã khuất. Tất cả mọi người đều mong muốn người chết được ra đi trong sự thanh thản và nhanh trong được gặp ông bà tổ tiên mình. Bên cạnh ý nghĩa của tang ma là sự tiễn đưa thì 10% cho rằng việc thực hiện tang ma nhằm mục đích là cho người sống yên tâm. Khi con người ở thời sơ khai, lạc hậu, việc chôn cất không được đặt ra và thường vứt trong rừng sâu, trải qua thời gian, nhận thức của con người ngày càng được nâng cao nên việc tổ chức tang lễ đã được áp dụng, trở thành phong tục của dân tộc Lạch và các dân tộc khác (Nguyễn Thị Song Hà, 2011). 7% số người được hỏi còn cho rằng tang ma có ý nghĩa là bày tỏ lòng thương xót và kính thờ người chết. Quan niệm này thể hiện sự hiểu biết của những người trả lời về phong tục, nghi lễ tang ma. Tang là nghi lễ chôn cất người chết để bày tỏ lòng tiếc thương đối với người qua đời, nhất là với họ hàng thân thuộc với người đã chết. Do ý nghĩa đó tang ma trở thành 1 nghi lễ không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Ngoài ra ý nghĩa tổ chức tang ma để cho người sống được yên tâm cũng được 33.3% số người tham gia khảo sát lựa chọn. Vì vậy khi tổ chức tang lễ theo phong tục, nó mang lại sự yên tâm cho những người đang sống, thể hiện trách nhiệm mà người đang sống làm tròn cho người đã chết. Chính vì vậy, 4% người được hỏi còn cho rằng, tang ma là để cho linh hồn người chết được siêu thoát, không còn vương vấn thế giới thực tại và đi đến 1 thế giới khác.

2.1.2 Cách phân chia tài sản của người chết

"Tài sản là thước đo khẳng định vị thế của một người trong cộng đồng làng hay buôn. Vì vậy, khi gia có người mất thông thường đồ dùng các nhân của người

chết sẽ được chôn cùng với người chết. Về phần của cải hay tài sản thì còn tùy thuộc vào mức độ và hoàn cảnh gia đình để xử lý sao cho phù hợp. "Riêng dân tộc Lạch đồ dùng mà người ta thường dùng, như cần thuốc, túi đựng bao thuốc và những thứ họ thường dùng trong cuộc sống khi họ chết đi là họ đốt và để trên mộ, quần áo thường dùng không mang đi hết thì người ta đốt" (PVS, Nam 46 tuổi). Dưới đây là kết quả số liệu điều tra nhóm đối tượng được khảo sát.

Bảng 2.2. Cách phân chia tài sản của người chết

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Cách phân chia	Tỷ lệ
Toàn bộ tiền bạc, của cải sẽ được chôn theo người chết	0
Toàn bộ tiền bạc, của cải sẽ nộp lại cho làng	0
Người chết sẽ được hưởng một phần tiền bạc, của cải do gia đình phân chia	87
Chỉ có đồ dùng người chết được chôn theo	13
Tổng	100

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022

Qua bảng 4.3 nhận thấy rằng 87% số người được hỏi lựa chọn phân chia một phần của của cải chôn theo người chết và mang tính chất lễ nghi. Do người trước truyền lại người sau và một phần bày tỏ long hiếu thảo, kính nhớ tổ tiên. Một cách hiểu khác có thể số của cải đó là phí để có thể đi vào buôn của ông bà mình và không quay trở lại nữa. Với thời buổi hiện nay, xuất hiện nhiều nhóm dân cư khác nhau, không cùng chung bản sắc và sự giao thoa văn hóa nên việc chôn cất tài sản của người chết cũng đã được cân nhắc lại. Một phần vì lo sợ tài sản sẽ bị lấy cắp, lý khác đó là "bây giờ mọi người ở đây đã theo đạo hết rồi, người thì theo Công giáo người thì theo Tin Lành nên họ phải làm theo luật của Chúa tôn thờ Chúa nên họ cũng bỏ cái nghi thức này luôn rồi" (PVS, Nam 46 tuổi). Chỉ có đồ dùng người chết được chôn theo cũng được lựa chọn với 13%

số người được khảo sát. Cho thấy rằng các nghi thức cổ xưa hiện nay đã được biến tấu hoặc cắt giảm một cách đáng kể để phù hợp với hoàn cảnh hiện nay.

2.1.3 Biến đổi trong việc chuẩn bị tang lễ và hình thức báo tang

"Trai ở rễ về nhà vợ lúc chồng hoặc vợ mất, người vợ hoặc chồng phải mời họ hàng đàng trai, gái phải đi mời chứ không phải tự đi, thông báo hay như thời nay gọi bằng điện thoại điều này không được phép, họ phải đi tận nơi mời từng người một họ hàng bên trai" (PVS Nam 68 tuổi).

Đối với phong tục tang ma của người Lạch tại địa bàn khảo sát, khi có người chết, gia đình và họ hàng phải tổ chức khâm liệm, chuẩn bị quan tài, chuẩn bị vật chất hậu cần, làm các thủ tục, nghi lễ cần thiết sau đó mới bước vào tổ chức tang lễ. Về hình thức báo tang, theo tục lệ truyền thống khi trong gia đình có người chết điều đầu tiên người Lạch sẽ làm là cắt cử người trong nhà đi báo và mời thầy phù thủy về để làm lễ. Ngày nay dưới sự phát triển của xã hội và công nghệ thông tin, việc báo tin cho anh em ở xa không còn khó khăn và phức tạp nhờ có sự thuận tiện trong liên lạc (điện thoại). Thêm vào đó ngày nay các thầy mo, cúng, thầy phù thủy đã bị loại bỏ do tất cả người đã theo đạo Công giáo hay Tin Lành nên thầy mo, cúng, phù thủy không còn được trọng dụng như trước. Hiện nay, các hoạt động tín ngưỡng hay tôn giáo cũng hoạt động dưới sự kiểm soát của chính quyền địa phương nên việc báo tang đã hoàn toàn thay đổi. Với kết quả điều tra ở (bảng 4.4) cho thấy rằng ngày nay việc thực hiện nghi lễ hay tín ngưỡng phụ thuộc rất nhiều vào tôn giáo. 100% số người được hỏi về việc báo tang đều trả lời "rằng trước kia thì sẽ đi báo Báo thầy mo, thầy cúng… còn bây giờ thì theo đạo rồi nên phải đi báo cha xứ hoặc mục sư, ban chấp hành chi hội để cha về làm phép xác". Về việc báo cho báo trưởng thôn/ chính quyền là khi gia đình nào làm việc trong nhà nước hay có việc cần thiết thì họ sẽ đi đến báo cho cơ quan chính quyền và có 9% người được hỏi lựa chọn phương án này.

Bảng 2.3. Cách thức báo tang

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Hình thức báo tang	Trước năm 1986		Sau năm 1986	
	LC	%	LC	%
Báo cha xứ hoặc mục sư, ban chấp hành chi hội	0	0	100	100%
Báo trưởng thôn/chính quyền	0	0	9	9%
Báo thầy mo, thầy cúng,…	100	100%	0	0%

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Khi báo với trưởng thôn về việc gia đình có người chết, trưởng thôn sẽ thông báo với dân làng tới giúp gia đình trong lúc bối rối, đồng thời báo với chính quyền địa phương để làm sổ khai tử. Nhìn chung, việc báo tin có người trong gia đình mất, giờ đã được đơn giản hóa và hiện đại hơn. Họ hàng ở xa không cần phải cử người đến thông báo mà chỉ cần gọi điện thông báo trực tiếp.

Sau khi báo tang, công việc tiếp theo là chuẩn bị quan tài: Đây là đồ vật không thể thiếu vắng trong các đám tang, theo phong tục truyền thống của dân tộc Lạch thì quan tài dược làm từ một thân cây gỗ to, khoét rỗng bên trong. Khúc gỗ có chiều dài 2m2, rộng 55cm, chiều cao thì tùy, tối thiểu là từ 60 đến 75cm, phải là cây gỗ liền, thành khúc, xong bổ 2 bên chắp lại, đẽo gọt, bên trong khoét và đục rộng 45, có 2 máng, máng đực và máng cái, hai bên thân cây khoét rỗng, bên dưới to hơn để người, đẽo gọt bên ngoài vuông vắn thành hình chữ nhật, đẹp đẽ, và trrang trí thêm một số họa tiết rồi được úp lại. Về sau, không còn nhiều cây gỗ rừng to để làm quan tài nữa thì tự sẻ ván đóng quan tài chứ không đi mua. Thực tế này vẫn được duy trì đến trước năm 2000.

Bảng 2.4. Cách thức làm quan tài

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Cách làm	Trước năm 1986		Sau năm 1986	
	LC	%	LC	%
Quan tài bằng thân cây/ ván tự làm	100	100	0	0.0
Quan tài bằng ván mua ngoài chợ	0	0.0	100	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Theo kết quả điều tra, trước năm 1986, tất cả các gia đình có người mất đều tự làm quan tài *(xem bảng 4.5).* Khi trong nhà có người ngoài 60 tuổi, gia đình sẽ chuẩn bị quan tài theo thông lệ của người Lạch, việc chuẩn bị trước quan tài thể hiện sự quan tâm lo lắng cho phép những gia đình có người già được chuẩn bị hậu sự trước. Con cháu lên rừng đốn cây đẽo gọt làm quan tài, để gầm sàn, lúc có người mất thì đem ra dùng. Việc chuẩn bị như vậy giúp cha mẹ già yên tâm hơn khi thấy công việc sau này của mình đã được con cháu chuẩn bị đầy đủ. "*Khi có người chết thì gia đình đó sẽ đo thân người chết bao nhiêu kích cỡ rồi mới bắt đầu đi lấy vỏ cây. Khi đi lấy vỏ cây ở trong rừng để làm hòm thì phải làm 1- 2 con gà mời thầy cúng về làm lễ xin phép thần rừng rồi mới dám hạ cây lấy vỏ*" (PVS Nam 58 tuổi). Sau năm 1986, theo như số liệu người trả lời thì việc tự làm quan tài hiện nay đã không còn nữa vì rừng giờ ít với đi làm quan tài phải mất 3 đến 3 ngày mới xong bây giờ đi ra ngoài tiệm mua nhanh hơn.

"Bây giờ có cái khác, trước kia rừng cò nhiều cây to, quan tài người ta chuẩn bị sẵn, lấy cây gỗ to, bổ giữa làm 2 máng đực và máng cái, hai bên thân cây khoét rỗng, bên dưới to hơn để người, gọt thành hình chữ nhật. Bây giờ không có gỗ to thì dùng ván, không có ván nữa hay gấp gáp thì mua ngoài chợ."

(Pvs, Nam,46 tuổi)

2.1.4 Biến đổi lễ vật khi phúng, cúng tang

Đồ lễ đến viếng của dân làng, thông gia... được chuẩn bị chủ yếu là đồ mặn, bao gồm thịt gà, thịt lợn, gạo, rượu trắng, ... Trước kia còn giã bánh giầy, ai ở gần thì mang con lợn, anh em thì mang cả vải vóc, quần áo tới viếng. Hiện nay, hầu như các lễ vật chuyển thành tiền mặt, tuy vẫn có người viếng rượu, gạo nhưng không đáng kể. Đối với anh em vẫn phải mang vải, rượu gạo đến viếng gọi là góp tang. Tại đám tang, trưởng họ sẽ cử người nhà ra tiếp đón mời nước, cám ơn khách viếng, mời khách ở lại dùng cơm chia buồn.

Bảng 2.5. Đồ cúng

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Đồ viếng	Trước năm 1986		Sau năm 1986	
	LC	%	LC	%
Rượu	87	87	17	17
Gạo	100	100	0	0.0
Vải vóc	100	100	0	0.0
Tiền	0	0.00	96	96.0

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Theo số liệu điều tra, đồ đến viếng của khách trước và sau năm 1986 có sự thay đổi. Trong tổng số người tham gia điều tra khảo sát 100% cho biết trước năm 1986 đồ viếng của khách là dùng gạo với vải vóc và 87% người trả lời là mang rượu đếm viếng. Tiền không được người Lạch sử dụng làm đồ viếng. Sau năm 1986, điều kiện kinh tế thay đổi, xã hội phát triển hơn, người dân có của ăn của để, đồng tiền được dùng phổ biến, nên khách viếng chuyển sang dùng tiền mặt cho tiện gọn (96. Ngoài ra, một vài người vẫn mang thêm rượu đến viếng bên cạnh tiền mặt (17%) *(Bảng 4.6)*. Việc trước đây không dùng tiền viếng một phần do phong tục tập quán không dùng tiền, một phần thời đấy tiền không được dùng phổ biến, chỉ mang những thứ mình làm ra tới viếng.

2.1.5 Biến đổi của thành viên trong tang ma của người Lạch

"*Riêng việc đám cưới nếu không mời thì không bao giờ đến, riêng việc đám ma không phân biệt bạn bè hàng xóm, có người chết trong làng là họ đến, không phân biệt*" (PVS Nam 46 tuổi)

Khi trong buôn làng một một người mất đi là sự mất mát của cả buôn làng đó. Vì vậy, khi gia đình nào trong làng cso người mất tất cả mọi người đều lập tức dừng hết công việc hiện tại, một phần là để chia buồn cùng tang chủ. Mặt khác là đến hỗ trợ làm tang ma cho người chết một cách tươm tất nhất. Ngoài ra, Thầy phù thủy (pô gru), thầy cúng (pô jâu) trở thành một lớp người quan trọng tong xã hội Lạch, họ tham gia điều hành các kỳ tế lễ trong buôn làng.

Ngoài ra, giống với các dân tộc vùng thượng Tây Nguyên người Lạch cũng thực hiện nghi lễ bỏ mả (bơ thi). Và những việc liên quan đến cúng, thờ lạy thần linh đã góp một phần hết sức quan trọng của những thầy cúng, thầy phù thủy trong tang ma người Lạch.

Qua quá trình phát triển kinh tế xã hội và thay đổi nhận thức, các chức năng của thầy phù thủy và thầy cúng dần dần không còn tác dụng. Thay vào đó là các tín ngưỡng tôn giáo bên ngoài xâm nhập vào đời sống tín ngưỡng của cộng đồng người Lạch. Từ đó, đã xuất hiện những suy nghĩ và thay đổi hoàn toàn

đời sống và địa vị của các vị thầy cúng và thầy phù thủy.

Hiện nay, với sự hoạt động mạnh mẽ của đạo Tin Lành và Công giáo đã làm cho người Lạch không còn nhiều người tin vào thần núi, thần rừng, thần sông, …Khi còn người chết đi là trở về với Chúa về với thiên đàng. Trong cộng đồng người Lạch hiện nay khi cố người chết những thành phần xuất hiện cũng

thay đổi rất nhiều. Dựa vào bảng số liệu sao đây, chúng có thấy được tầm quan trọng của từng nhóm khác nhau.

Bảng 2.6. Các thành phần tham dự tang ma

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Người trong gia đình, dòng họ	100	100%
Tất cả thành viên trong làng	100	100%
Dịch vụ tang lễ	68	68%
Thầy cúng, thầy mo	0	0.0%
Cha xứ, sư thầy, mục sư, …	100	100%

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Qua bảng 2.6 những người người được hỏi đều đồng thuận rằng khi gia đình có tang ma thì tất cả gia đình dòng họ và các thành viên trong làng đều đến tham dự, giúp đỡ gia đình mình. Đặc trưng rằng miễn là người trong làng mất cũng là thành viên của làng nên họ sẵng sàng đến và hỗ trợ mà không yêu cầu gì đế gia đình người mất.

Về phần dịch vụ tang lễ, còn tùy vào hoàn cảnh gia đình như thế nào để có thể lựa chọn có hoặc không sử dụng dịch vụ tang lễ. Từ trước đến giờ người Lạch luôn sống đùm bọc lẫn nhau nhà có chuyện gì là qua giúp đỡ ngay, khi có tang ma cả làng đều mỗi người mỗi việc là xong xuôi. Vì vậy, số lượng người được hỏi có 68% là có sử dụng dịch vụ tang lễ còn lại một phần điều kiện không cho phép và một số khác muốn làm theo truyền thống nên đã không nữa chọn việc sử dụng dịch vụ tang lễ. 100% người được hỏi đồng ý với việc mời Cha xứ, sư thầy, mục sư đến để làm phép và những thủ tục cần thiết cho người chết đúng theo đạo của mình.

2.2 Thực trạng và biến đổi trong và sau khi tổ chức nghi lễ tang ma của người Lạch

2.2.1 Công việc và nghi lễ trong khi tổ chức tang ma

2.2.1.1 Thời gian tiến hành tang ma

Người Lạch xưa cho rằng cái chết theo lẽ tự nhiên không hẳn là một nghi lễ buồn, con người không những được "siêu thoát", mà còn được thần linh đưa về với tổ tiên, cho nên lễ tang được tổ chức rất chu đáo, long trọng. Đối với nhà

nghèo thì 1-2 ngày, với nhà giàu thì 3 ngày. Ngày thứ nhất: người ốm vừa tắt thở, họ được cho ngậm ít gạo 7 hạt đối với nam còn 5 hạt đối với nữ, xem như đó là bữa ăn cuối cùng và như vậy ma sẽ không bị đói. Người nhà nổi hồi trống và thân nhân khóc than thương tiếc.

Thi hài được liệm và phủ chăn kín đặt ở gian cuối nhà, sát góc phía Đông, đầu hướng về phía Đông, chân hướng về phía Tây. Người Lạch quan niệm, đặt như vậy để người chết dễ dàng đi thẳng về phía làng ma cùng với tổ tiên. Chủ nhà luộc một quả trứng gà luộc, một bát cơm, bát gạo, được bày lên để cúng. Thịt một con gà moi lòng ruột bỏ ra rồi để cả con kẹp và đem nướng, dựa trên vách phía đầu thi hài.

Ngày thứ hai: nhập quan, cúng Đối với những gia đình nghèo thì trong ngày này sau khi tiến hành xong các nghi lễ, gia đình, dòng tộc và những người trong làng tổ chức đưa ma luôn. Sáng tinh mơ, họ bắt đầu giết trâu bò (tùy từng hoàn cảnh giàu nghèo), đánh chiêng trống, ăn uống. Những người khỏe thì vào rừng chặt cây làm quan tài. Người ta đẽo quan tài ngay ở vườn nhà, quan tài được mô phỏng theo ngôi nhà của họ và được khiêng lên nhà sàn. Lễ cúng hồn bắt đầu và được đánh chiêng trống dồn dập, thân nhân đứng quanh người chết cất tiếng khóc thảm thiết lúc nhập quan. Thầy cúng lấy máu heo bôi lên thành quan tài những hoa văn mà chủ yếu là hoa văn hình mặt trời cách điệu thành hình sao tám cánh, vừa vẽ vừa khấn:

"Yang ơi Cho… (Đọc tên người chết) được về với yang Dù ở đây ai cũng thương nhớ Số mạng biết làm thế nào Yang cho nó theo với…" Tối đó, thầy cúng ngồi phía chân quan tài cúng tiếp. Những người già trong làng thì lên nhà sàn ngồi với gia chủ uống rượu với nhau. Với quan niệm chết không phải là hết, người chết cũng được chia của, cho nên gia đình đã chuẩn bị sẵn một số vật dụng để tiễn đưa người chết. Trước hết là gia chủ cúng trâu,bò bằng cách dựng một cây nêu trước nhà rồi cột trâu, bò vào đấy, dưới sự chứng kiến của bà con họ hàng, gia chủ gọi hồn người chết về nhận những vật được cúng: "Như quả rơi khỏi

chùm Như cành cây rơi khỏi thân cây Như cây đổ xuống đất Không bao giờ sống lại nữa Rời bỏ cha mẹ anh em họ hàng Vĩnh biệt bến nước, nương rẫy, buôn làng Đi miết không bao giờ trở về Gia đình cúng một con trâu, người hãy lên nhận Người ra đi đừng về giày vò gia đình Đừng bắt anh em họ hàng"

Chủ nhà dứt lời khấn, cồng chiêng được đánh lên một hồi, tiếp đó trâu được giết, đem thui để làm thịt. Chủ nhà đem ghè rượu gốc ra cột, bà con, dân làng cũng đem những ghè rượu mình mang đến buộc kế tiếp nhau thành một dải dài. Bên cạnh ghè rượu gốc bên cạnh, còn đặt một tô thịt gồm có: gan, thịt thăn, đùi, da…rồi lần lượt từng người trong gia đình lấy cái kah topai (cái que được làm để đo mức rượu được uống trong ghè) gạt nước trên miệng ghè và khấn. Lễ thực hiện chia của, vào lúc nửa đêm, gia đình đem cơm, thịt, đồ đạc chia cho người chết đặt trên chiếc chiếu được trải bên phải quan tài và gọi tất cả họ hàng đến than khóc, trong tiếng cồng chiêng. Đêm đó mọi người để tiễn biệt người chết họ đánh chiêng, uống rượu cho tới sáng. Ngày thứ ba: Đưa ma Một ché rượu nhỏ đặt bên quan tài. Lễ cúng vừa dứt, tang chủ mời mỗi người trong họ một chén rượu nhỏ. Khách đều tự động quanh các ché rượu bày la liệt ở sân, ở vườn…đợi giời phút thiêng liêng. Phụ nữ gói những gói cơm nhỏ mang theo để bỏ xuống huyệt… Quan tài được khiêng xuống nhà, chuyển xuống sân. Người vợ xấu số xuống thang, cầm chiếc gậy cào cào xuống đất về phía trước. Người phụ nữ dẫn đầu đám tang, thầy cúng bước theo rồi tới quan tài. Theo sau đó là những người phục dịch.

Ngày nay, tang ma của người Lạch trước kia thường được tổ chức kéo dài trong nhiều ngày, ít nhất là 3 đêm. Ngày nay theo quy định của pháp luật và quy định của địa phương việc tổ chức tang lễ không quá 48 – 72 giờ. Vì vậy thời gian tổ chức tang ma của người Lạch được rút ngắn hơn so với trước.

Bảng 2.7. Thời gian để thi hài ở nhà

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Thời gian	Trước năm 1986		Sau năm 1986	
	LC	%	LC	%

1 ngày	0	0.0%	3	3%
2 – 3 ngày	86	86%	97	97%
4 – 6 ngày	10	10%	0	0.0%
7 – 9 ngày	4	4%	0	0.0%

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Số liệu điều tra cho thấy, trước năm 1986, 86% trong tổng số người được điều tra cho biết, sau khi phát tang thi hài người chết được để trong nhà từ 2 – 3 ngày, 10% cho biết là để trong nhà từ 4 – 6 ngày. Số người trả lời có để trong nhà từ 7 – 9 ngày là rất ít 4%, và không có trường hợp nào chỉ để thi hài ở nhà 1 ngày *(Bảng 4.7)*. Sau năm 1986 có sự thay đổi rõ rệt về thời gian mà người dân để thi hài. Trong đó, có 97% trong tổng số người tham gia điều tra cho biết thi hài chỉ để trong nhà từ 2-3 ngày, xuất hiện những gia đình chỉ để thi hài ở nhà 1 ngày 3% *(Bảng 4.7)*.

Sự thay đổi về thời gian để thi hài trong nhà giúp cho nhiều gia đình không còn khó khăn trong việc tổ chức tang lễ. Thời trước, có nhiều gia đình phải chạy vạy khắp nơi, để đủ điều kiện làm đám tang cho người thân mình. Vì theo tập tục tang ma phải làm nhiều ngày từ 3 ngày trở lên, để thực hiện được gia đình phải có đủ điều kiện, thực hiện đầy đủ các nghi lễ. Những gia đình bình thường hay nghèo khó làm đám tang ít nhất cũng phải để thi hài ở nhà từ 2 -3 ngày. Có những nhà giàu đông con cháu đám tang tổ chức tới 7 - 9 ngày. Đám tang kéo dài ngày nào, tốn kém thêm ngày đó. Ngày nay việc để thi hài không quá 3 ngày vừa phù hợp với quy định của nhà nước, mà còn giúp các gia đình đỡ tốn kém, hạn chế được gánh nặng về tinh thần, đồng thời đảm bảo vệ sinh và không gây ảnh hưởng nhiều tới cuộc sống của người dân. Điều này là hoàn toàn phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay. Những gia đình để thi hài trong nhà 1 ngày là do họ quá khó khăn, không đủ điều kiện tổ chức tang lễ dài ngày hoặc vì lý do bất khả kháng mà phải đem đi chôn sớm. *"Ngày xưa khi có người chết đều phải để trong nhà 4 - 5 ngày, ngày nào cũng phải tổ chức cúng và ăn uống, nhiều thủ tục lắm. Giờ rút gọn lại rồi, thế mới đúng chứ không thì tốn kém lắm. Bình thường thì để 2 – 3 ngày, nhưng có nhà chỉ 1 ngày do nhà họ khó khăn hay chẳng may chết do tai*

nạn thì phải chôn luôn" (Pvs, Nam, 68 tuổi).

2.2.1.2 Những tục lệ khi đưa ma và mức độ biến đổi

Trong quá trình tổ chức tang ma, gia đình người mất phải thực hiện một số tục lệ khi đưa ma, các tục lệ này hiện nay có sự thay đổi so với trước kia *(Bảng 2.8)*.

Bảng 2.8. Sự biến đổi những tục lệ đưa ma

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Nội dung	Không có sự thay đổi		Thay đổi 1 phần		Hoàn toàn thay đổi	
	SL	%	SL	%	SL	%
Làm 1 mâm cơm cúng ngoài nghĩa địa	16	16	67	67	17	17
Đồ cúng ngoài nghĩa địa	0	0	17	17	83	83
Thầy mo làm lễ giao đất cho người chết	0	0	0	0	100	100
Trước khi hạ huyệt, trải 1 chiếc chiếu/ đệm xuống đáy huyệt	0	0	22	22	78	78

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Với quan niệm chết không phải là hết, người chết cũng được chia của, cho nên gia đình đã chuẩn bị sẵn một số vật dụng để tiễn đưa người chết. Trước hết là gia chủ cúng trâu, bò bằng cách dựng một cây nêu trước nhà rồi cột trâu, bò vào đấy, dưới sự chứng kiến của bà con họ hàng, gia chủ gọi hồn người chết về nhận những vật được cúng:

"Như quả rơi khỏi chùm

Như cành cây rơi khỏi thân cây

Như cây đổ xuống đất

Không bao giờ sống lại nữa

Rời bỏ cha mẹ anh em họ hàng

Vĩnh biệt bến nước, nương rẫy, buôn làng

Đi miết không bao giờ trở về

Gia đình cúng một con trâu, người hãy lên nhận

Người ra đi đừng về giày vò gia đình

Đừng bắt anh em họ hàng".

(Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu, Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Nxb Giáo dục.)

Chủ nhà dứt lời khấn, cồng chiêng được đánh lên một hồi, tiếp đó trâu được giết, đem thui để làm thịt. Chủ nhà đem ghè rượu gốc ra cột, bà con, dân làng cũng đem những ghè rượu mình mang đến buộc kế tiếp nhau thành một dải dài. Bên cạnh ghè rượu gốc bên cạnh, còn đặt một tô thịt gồm có: gan, thịt thăn, đùi, da…

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, tục lệ làm một mâm cơm cúng ngoài nghĩa địa và đồ cúng được mang ra ngoài nghĩa địa không có sự thay đổi gì so với trước năm 1986. Theo tập tục truyền thống, khi đưa tang phải mang theo một mâm cơm cúng ra đồng. Mâm cúng này giống như các mâm cúng cơm khác, nên việc chuẩn bị mâm cơm này không khó, con cháu không được thay đổi đồ cúng hay cách bày trí. Tuy nhiên, hiện nay các gia đình hầu hết đều theo đạo nên một số gia đình còn người lớn tuổi trong nhà hoặc con cháu làm theo lời ông, bà thì thực hiện nghi lễ này nhưng không quá cầu kì như trước đây 67% người được hỏi đã đồng ý rằng đã có sự thay đổi trong mâm cúng hiện nay do nhiều yếu tố khác nhau như cha xứ không đồng ý. Và đã có 17% người trả lời rằng đã bỏ hẳn việc chuẩn bị đồ cúng khi đưa ma. Còn lại 16% vẫn giữ quan điểm vẫn chuẩn bị 1 mâm cúng ra ngoài đồng cho người chết được ấm cúng và no say khi ngoài mả.

Cau gru (thầy phù thủy). Thầy phù thủy (pô gru), thầy cúng (pô jâu) trở thành một lớp người quan trọng trong xã hội Lạch, họ tham gia điều hành các kỳ tế lễ trong buôn làng. Họ vừa chữa bệnh bằng thuốc và bằng pháp thuật, bởi họ "có những quyền năng hơn người": dùng bùa phép để giải trừ ma quỷ, có phù chú cùng những vật cúng tế để giảm bớt những cơn thịnh nộ của thần linh, có bùa

ngải để trừng phạt hay giúp đỡ những người khác chinh phục lẫn nhau, có khả năng phát hiện ra ma lai và khi cần họ đứng ra chịu sự thử thách trước thần linh và buôn làng. Những biểu hiện tôn giáo định kỳ nhất là những lễ nghi nông nghiệp. Xen vào đó có những lễ nghi bất chợt, như ăn mừng chiến thắng hay hòa giải với làng thù địch, tế lễ vì thiên tai, dịch bệnh. Các gia đình cũng có thể tổ chức một vài nghi lễ theo sự kiện đòi hỏi của riêng gia đình mình. Tuy nhiên, ngày nay không còn thấy sự xuất hiện của au gru (thầy phù thủy). Thầy phù thủy (pô gru), thầy cúng (pô jâu) nữa vì người Lạch hiện nay đều theo tôn giáo mới và chính quyền địa phương không cho phép tổ chức mê tín dị đoan. Vì các nghi lễ hay nghi thức cho người chết cần sự có mắt của tầy cúng không còn nữa với 100% (bảng 4.8) người trả lời đồng ý với quan điểm trên.

2.2.1.3 Các lễ cúng hay nghi thức sau khi chôn cất

Người Lạch cho rằng, khi sống mỗi người đều có hồn và khi chết, thì hồn của người chết sẽ lập tức biến thành ma, về với thế giới của tổ tiên. Trong thời gian chưa làm lễ bỏ mả mà người Lạch gọi là ăn bỏ mả hay ăn bỏ ma hồn ma của người chết vẫn ở lại nghĩa địa chứ chưa đi. Chỉ sau lễ bỏ mả đó, linh hồn người chết mới hoàn toàn tách khỏi mọi ràng buộc với người sống, mới thực sự đi đến "quê hương" cội nguồn của mình còn người sống thì được giải phóng thực sự với mọi liên hệ với người chết. Nói cách khác khi hồn của người chết ra đi hẳn về với tổ tiên hay khi người chết đã chuyển sang trạng thái sống khác thì mối dây liên hệ giữa người sống và người chết hoàn toàn bị cắt đứt. Sau lễ, người sống không chỉ không cúng giỗ mà còn bỏ luôn cả mả của người chết. Vì thế mà người Lạch gọi buổi lễ đó là lễ bỏ mả. Như vậy, lễ bỏ mả là lễ chia tay với người thân để hồn người chết ấy chuyển sang một trạng thái sống khác và chuẩn bị cho một cuộc sống tiếp theo. Cuộc chia tay này mặc dù là vĩnh viễn không gặp lại thể xác nhưng có thể gặp lại hồn trong một cái xác khác. Để hồn ra đi được thanh thản không vướng bận điều gì, người ta phải làm lễ bỏ mả.

Sau khi chôn cất người chết (bỏ mả) là lễ giải phóng mà người Gia rai còn gọi là lễ "rửa nồi", được tiến hành ngay ở nhà của người bỏ mả hay ở nhà rông. Chủ nhà làm lễ khấn gọi thần lúa, hồn trâu, bò về để tạ ơn và để các hồn đừng đi theo hồn ma. Nghi lễ được tiến hành đơn giản, có sự chứng kiến của già làng, người thân trong gia đình và dòng họ. Lễ vật cúng là một con gà, một ghè rượu, vị trí cúng đặt ở gian giữa ở ngôi nhà sàn. Nghi lễ này để các hồn gà, trâu, bò và những hồn người đừng đi theo atâu, vì atâu đã được chia của cải và đã đem đi rồi và để tạ ơn các Yàng đã phù hộ. Sau đó mọi người té nước vào gia chủ hoặc đem ra suối tắm để "giải phóng". Từ đây người sống được tự do, có thể đi lấy vợ hoặc lấy chồng hoặc dự các cuộc vui chơi trong làng. Lễ bỏ mả thường kéo dài 2-3 ngày hoặc 5-7 ngày. Sau lễ bỏ mả người chết thì vĩnh viễn ra đi, còn người sống thì hoàn toàn được tự do để trở về với cuộc sống hàng ngày hay nói cách khác sau làm lễ bỏ mả coi như mọi ràng buộc giữa người sống và người chết mới chấm dứt, người nhà không bao giờ đến thăm nữa. Hồn ma cũng từ đó vĩnh viễn về với tổ tiên ở thế giới hoàn toàn khác biệt. Đối với người Lạch sau lễ bỏ mả những ngôi nhà mồ họ dày công làm ra không còn tác dụng và giá trị gì nữa cho dù nó đẹp thế nào thì vẫn để nó lại với thiên nhiên. Từ quan niệm về thể xác và linh hồn, con người chết đi không phải là hết mà còn có thế giới thần linh, thế giới bên kia. Những nghi lễ sau khi chết có nhiều chi tiết phản ánh những quan niệm và cách ứng xử của người sống với người chết. Qua lễ bỏ mả có thể nói đây là một lễ hội không chỉ mang tính nghệ thuật cao mà còn đầy chất nhân văn: tái sinh cho người chết và giải phóng cho người sống.

Hoă blan hay hoă fhunu (giỗ thường kỳ): Mặc dù không đưa cơm hàng ngày, có nghĩa là không thăm mộ, nhưng hàng tháng, người ta đem chiêng ra đánh và uống rượu ở mả. Tục này kéo dài cho tới ngày dựng tượng và chuẩn bị vào lễ bỏ mả. Cuối cùng là lễ bỏ mả (hoă lui hay pơthi). Đây là lễ lớn nhất và cũng là cuối cùng trong tang lễ. Đối với đám tang của người chết không bình thường: Khi có người chết bất đắc kỳ tử thì người Lạch đặt xác chết đó ngoài rừng không cho

đem vào làng. Thanh niên không được đến dự tang. Đứng ra lo tang chỉ có người già có tuổi trên năm mươi trong dòng họ và bà con thân thuộc.

Khi có người chết xấu tùy theo điều kiện gia đình phải làm một con bò hoặc con lợn, để cúng yang, mong yang không bắt phạt dân làng cho người chết được gia nhập thế giới hồn ma: "yang cho chết xấu thì chết xấu. Nó không có tội gì đâu. Yang cho nó về với ma. Đừng bắt phạt dân làng. Chúng tôi sẽ cúng yang đầy đủ". Người Lạch làm quan tài, đưa xác vào hòm cùng những đồ dùng chia cho người chết. Sau đó người ta đem một ít gà, một ống lồ ô đựng rượu đặt xuống chỗ quan tài mà không khấn vái gì và cúng không đánh chiêng. Những người tham dự ăn uống một cách lặng lẽ. Thời gian tiến hành chỉ trong một buổi tối, sau đó được đem đi chôn ở nghĩa địa khác, không phải nghĩa địa của làng. Quan tài được đưa đến xong mới đào huyệt, không làm nhà mồ. Một tháng sau người nhà đến cúng rồi bỏ mả luôn.

Cho đến ngày nay, các nghi lễ giỗ thường kì hay bỏ mả vẫn còn một số gia đình tiếp tục duy trì mặc dù có nhiều thay đổi. Các hộ người Lạch hiện nay hầu hết đã đi theo tin lành hay công giáo và các nghi lễ nghi thức đều thực hiện xoay quanh giáo xứ hay giáo sở mình sinh hoạt. Các nghi lễ cúng Yàng, cúng thần đã biến mất do điều kiện kinh tế xã hội thay đổi.

Tương tự như người dân tộc Kinh, dân tộc Lạch cũng làm lễ cúng. Theo truyền thống, sau khi cúng giỗ trong 1 năm, đến lúc tổ chức giỗ đầu xong thì người Lạch không làm giỗ hàng năm.

Bảng 2.9. Lễ cúng trong một năm

(Mẫu: 100, ĐVT: %)

Lễ cúng	Trước năm 1986		Sau năm 1986	
	LC	%	LC	%
Giỗ đầu	0	0.0%	33	33%
Cúng Yàng (cúng tà thần)	100	100%	0	0.0%
Đi lễ cầu nguyện (nhà thờ)	0	0.0%	96	96%
Lễ cúng 3 ngày	100	100%	0	0.0%

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Điều tra trước và sau năm 1986 tất cả số người được hỏi cho biết lễ cúng 3 ngày và nghi thức cúng Yang đều được loại bỏ và không có còn ai thực hiện nghi lễ này nữa. Đây là lễ cúng đầu tiên cho người mất sau khi đã chon cất xong. Trước năm 1986, đi lễ cầu nguyện và giỗ đầu không thực hiện. Hiện nay, 96% các gia đình có người mất đều đi lễ nhà thờ và cầu nguyện. Có 33.3% trong số người được hỏi cho biết họ có tổ chức giỗ đầu cho người mất tròn một năm. Đi lễ cầu nguyện là bắt buộc thực hiện ở người Kinh theo đạo công giáo, qua sự giao lưu về văn hóa và lời khuyên của các vị cha xứ người Lạch nhận thấy sự cần thiết của việc đi lễ cầu nguyện và cúng giỗ đầu, nên các gia đình đều đi lễ, con cháu anh em tụ họp, tưởng nhớ tới người đã khuất.

Xuất phát từ quan niệm, sau khi chôn cất, người chết gia nhập vào thế giới của ông bà và có cuộc sống riêng của mình, con cháu không được làm phiền nên người Lạch không tổ chức làm giỗ hàng năm vào ngày mất.

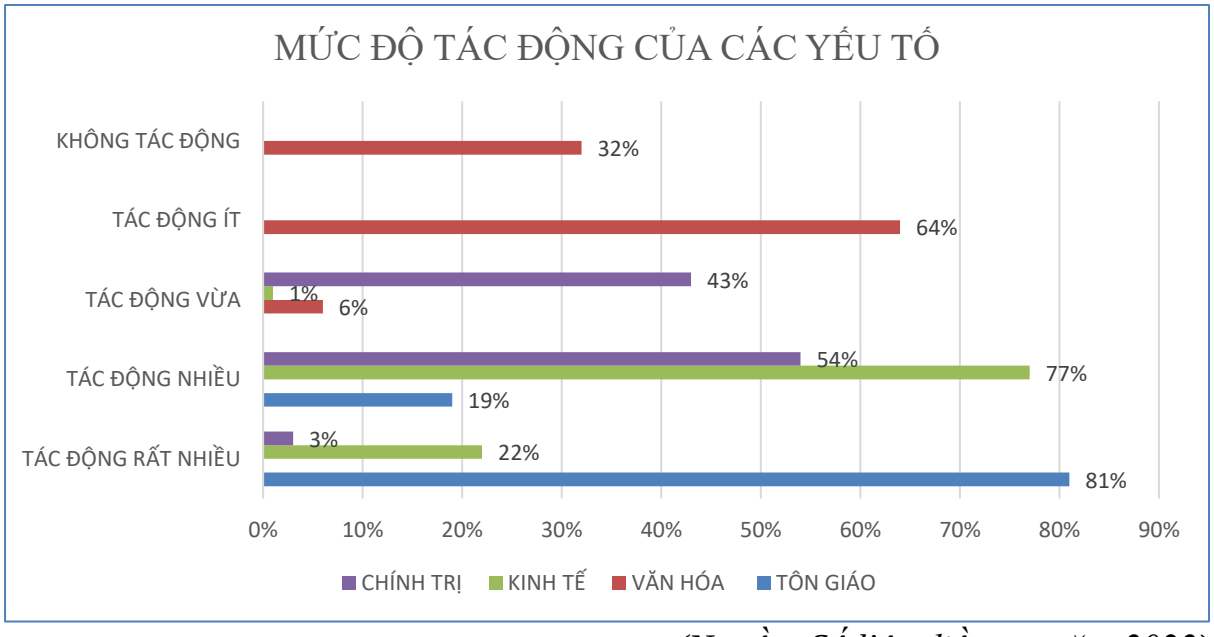
Như vậy, đời sống văn hóa tâm linh của người Lạch đang dần có sự thay đổi. Quá trình cộng cư đan xen cận kề với người Kinh đã có những ảnh hưởng đến văn hóa của người Lạch, không chỉ ở các loại hình nhà ở (nhà sàn thay bằng nhà lợp ngói, nhà xây kiên cố...) mà còn ở các nghi thức liên quan đến tang ma, cưới xin.

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI NGHI LỄ TANG MA CỦA NGƯỜI LẠCH

Về đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tạo nên sự biến đổi phong tục tang ma của người Lạch như tôn giáo, văn hóa, kinh tế, chính trị.

Biểu đồ 3.1. Mức độ tác động của các yếu tố

(Mẫu: 100, ĐVT: %)



(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2022)

Qua biểu số liệu về thống kê mô tả mức độ tác động của các yếu tố tôn giáo, chính trị, văn hóa, kinh tế ta thấy được mức độ đánh giá của người dân về các yếu tố nhận thấy rằng tôn giáo chiếm tỷ lệ đánh giá tác động nhiều nhất đến 81% và kinh tế là 22%, chính trị chiếm 3% trong số y kiến đánh giá. Với tôn giáo được tác động nhiều nhất đến phong tục tang ma của người Lạch vì sự lôi kéo, khuyên nhủ theo đạo của các tôn giáo ngoại nhập đã tác động vào nhận thức của người đồng bào dân tộc ít người, thiết chế tôn giáo đã tạo ra được vị thế của mình trong cộng đồng dân tộc ít người. Một hệ thống các giá trị, quy tắc cụ thể. Là một thiết chế, tôn giáo thực hiện chức năng giúp con người biểu lộ cảm nghĩ về niềm tin, đức tin. Tôn giáo thường được xem như là một thiết chế văn hóa vì nó hướng dẫn đời sống tinh thần của xã hội, đặc biệt là quan niệm về đạo đức, cái tốt, cái

xấu. Nhiều sự thay đổi được tạo nên bởi những xung đột trong các nhóm khác nhau của xã hội.

3.1 Đánh giá tác động của yếu tố tôn giáo đến biến đổi nghi lễ tang ma

"Bây giờ những nhà nào khó khăn, không có gạo ăn là đều được các cha xứ hỗ trợ. Phát gạo dầu ăn, mắn muối" (PVS, Nam 68 tuổi)

Các tôn giáo luôn cổ vũ mạnh mẽ việc thay đổi cấu trúc gia đình truyền thống, khuyến khích tín đồ trẻ sau khi lập gia đình chịu khó làm ăn, tích luỹ tài sản và tham gia công việc tôn giáo cũng như hoạt động xã hội, cộng đồng trách nhiệm của cả vợ và chồng trong sản xuất kinh doanh của gia đình; sửa đổi lối sống khép kín, xóa bỏ dần những hủ tục lạc hậu trong đời sống của người Lạch. Tuy nhiên, với đặc thù của tôn giáo là tin tưởng vào một đấng siêu nhiên và tôn thờ chỉ một, cho nên đã xảy ra những mâu thuẫn giữa tôn giáo với văn hóa và mâu thuẫn giữa tôn giáo với xã hội (phong hóa, phong tục, đạo đức, lối sống). Hai loại hình sau thường xảy ra gắn việc truyền giáo dẫn đến việc chuyển đạo, đổi đạo. Mâu thuẫn tôn giáo ở đây được nhìn theo cả chiều cạnh tích cực và tiêu cực. Tiêu cực là chống lại những giá trị khác nó để xác lập giá trị của nó, nghĩa là phủ nhận sạch trơn.

Đó là những mâu thuẫn giữa các giai cấp, chủng tộc, các thế hệ, các giới, các nhóm dân tộc hay tôn giáo… Những mâu thuẫn xã hội đó, theo K. Marx, xuất phát từ những bất bình đẳng (bất bình đẳng giới, bất bình đẳng giai cấp…) và quá trình giải quyết những mâu thuẫn đó sẽ đem đến những biến đổi về mặt xã hội. Ví dụ như phong trào đấu tranh giành quyền bình đẳng giữa nam và nữ, những xung đột trong nhiều nhóm tôn giáo của đạo Tin lành dường như là cơ sở cho quyết định phân chia nhà thờ với những nhánh tôn giáo khác nhau, với những nghi lễ và đội ngũ tín đồ khác nhau. Dĩ nhiên, không phải một mình tôn giáo thực hiện chức năng này, nhưng nó là nguồn quan trọng của quy tắc giới luật đạo đức.

Thể chế đặc biệt này thực hiện nhiều chức năng trong xã hội, là nền tảng quan trọng nhất để hiểu biết ý nghĩa của sự sống và cái chết. Theo Karl Marx, dĩ

nhiên, có một cách tiếp cận khác trong phân tích về tôn giáo của ông, tập trung nhiều vào sự bất bình đẳng, và bản chất đàn áp (oppressive nature) của tôn giáo. Và từ đó có thể hiểu được tôn giáo đã dần đẩy văn hóa, nghi lễ, nghi thức truyền thống đi vào hồi ức của cộng đồng người Lạch.

Nghi lễ tang ma là nghi thức mang tính chất tà thần (các thần sông, thần núi, thần rừng, ….) được lưu truyền lâu đời trong cộng đồng người Lạch. Các thần linh được trọng dụng và tôn trong vì đó là nơi cho người Lạch nguồn sống, nơi ở để sinh sôi. Ngày này, đời sống đổi thay các tôn giáo xuất hiện và thay thế chức năng đó và dần lấn át tín ngưỡng truyền thống của người Lạch.

3.2 Đánh giá tác động của yếu tố kinh tế đến biến đổi nghi lễ tang ma

Yếu tố tác động thứ hai đó là kinh tế thị trường hiện nay đã làm thay đổi đang kể đời sống hay sinh hoạt của cộng đồng dân tộc thiểu số nói chung và cộng đồng người Lạch nói riêng. Nhìn về xa xưa người Lạch sống nhờ rừng núi, phụ thuộc vào tự nhiên nhiều. Đời sống kinh tế khó khăn dẫn theo đó là kém hiểu biết về văn hóa bên ngoài, sống dựa nhờ Yàng, thần sông thần núi… Kinh tế chiếm đoạt là chủ yếu.

Khoa học, kỹ thuật và công nghệ là một yếu tố cơ bản của sự biến đổi xã hội. Quan điểm của thuyết kỹ trị về xã hội cho rằng khoa học, kỹ thuật và công nghệ là nhân tố quyết định đến biến đổi xã hội. Xã hội loài người biến đổi và phát triển qua ba nền văn minh: nông nghiệp, công nghiệp và hậu công nghiệp, mà gắn liền với các nền văn minh đó là kỹ thuật – công nghệ tương ứng. Thông thường một kỹ thuật mới, một công nghệ mới xuất hiện rồi mất đi khi nó đã trở nên quá lạc hậu. Cách mạng khoa học – kỹ thuật đã dẫn đến sự thay đổi đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa một cách rộng rãi (ví dụ như việc phát minh ra Internet). Quá trình vận dụng những tiến bộ kỹ thuật và khoa học – công nghệ trong sản xuất, trong lưu thông đã thúc đẩy quá trình phân công lao động xã hội mới, thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Trong cuộc sống, kỹ thuật mới và công nghệ mới, cùng với

chúng là tính hiện đại và quá trình hiện đại hóa góp phần làm thay đổi nhận thức và quan hệ xã hội giữa các cá nhân…

Việc hình thành nền văn hóa mới (với những niềm tin và giá trị mới) cũng có thể tạo nên sự biến đổi xã hội. Hơn nữa, nhiều nhà xã hội học cho rằng sự thay đổi nhanh của kỹ thuật ở các nước phương Tây được thúc đẩy bởi sự chấp thuận của các tư tưởng tiến bộ. Sự tiến bộ của tư duy không phải chỉ là khả năng, mà là một tất yếu và nhờ nó mà xã hội biến đổi.

Ngày nay, nhờ Đảng và Nhà nước áp dụng nhiều chính sách hộ trợ các đồng bào dân tộc thiểu số làm ăn kinh tế, xây dựng các mô hình kinh tế nhằm góp phần cải thiện công ăn việc làm cho đồng bào người Lạch và các dân tộc khsac thoát được cảnh khó khăn lúc trước. Có khả năng phát triển bản thân và các thế hệ mai sau tiếp thu được văn hóa bên ngoài làng của họ đang sống. Nhóm khảo sát trong qua trình điều tra nhận thấy rằng, hiện nay lớp người trẻ từ 30 trở xuống hầu hết không còn biết về những văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Những người có thể trả lời được chủ đề về tang ma truyền thống thường nay đã lớn tuổi từ 55 trở lên mới có thể biết về những phong tục nghi lễ đó. Vào thời buổi kinh tế hiện nay khi gia đình có xảy ra tang ma thông thường sẽ tổ chức một cách nhanh gọn để có thể trở lại công việc hằng ngày. Không còn những ngày dài ăn uống, ca múa như truyền thống nữa. Quan trọng hơn, chính người đồng bào cũng tự nhận thấy các tiến bộ này đã làm cho đời sống của họ ngày càng ổn định, nên đã tự giác tiếp nhận và nhân rộng ở cộng đồng. Sự thay đổi này theo hướng ngày càng hiện đại hóa, lược bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, lễ nghi rườm rà, rút ngắn thời gian. Hiện nay, Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì vậy vấn đề phát triển kinh tế với việc bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa dân tộc luôn được đề cao. Muốn làm được việc đó, thì sự đoàn kết các tộc người vẫn là nhân tố quyết định hàng đầu.

3.3 Đánh giá tác động của yếu tố chính trị đến biến đổi nghi lễ tang ma

Trong thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng hướng mục tiêu phát triển kinh tế ở vùng miền núi, đặc biệt là các vùng đặc biệt khó khăn. Từ những năm 1995 trở lại đây, chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển hạ tầng cơ sở được đồng loạt tiến hành trên hầu hết các địa bàn miền núi, trong đó có xã Lát, Huyện Lạc Dương và Dankia, thị trấn Lạc Dương. Các chương trình này đã làm cơ sở hạ tầng thay đổi rất nhiều ở nông thôn miền núi nói chung, ở các địa bàn nghiên cứu nói riêng. Sự thay đổi hạ tầng cơ sở như đường giao thông tốt hơn tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, buôn bán giữa người dân trên cùng địa bàn cũng như với những người ở các địa phương khác; Việc người dân được dùng điện cũng đã tác động quan trọng về sự thay đổi đối với nhận thức, khả năng tiếp nhận cách thức lao động mới, sử dụng công cụ sản xuất phù hợp hơn và sử dụng các tiện nghi sinh hoạt hiện đại hơn. Người Lạch ngày càng lược bỏ dần những yếu tố mang tính bảo thủ, cổ hủ, lạc hậu trong văn hóa và bổ sung các yếu tố mới làm hiện đại, phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình. Thêm vào đó, Nhà nước tích cực triển khai các chương trình khuyến nông với việc hỗ trợ giống, kỹ thuật, có cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật tận địa phương cũng dễ dàng làm thay đổi những tập quán sản xuất cũ lỗi thời, lạc hậu, năng suất thấp. Đã đưa người Lạch cũng như các dân tộc xung quanh tăng khả năng làm ăn kinh tế. Cải thiện được đời sống an sinh xã hội. Ngoài chính sách phát triển kinh - tế xã hội nói chung, việc nâng cao trình độ dân trí cũng góp phần thay đổi nhận thức của người dân để có thể tiếp nhận nhanh chóng các tri thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cũng như việc tiếp nhận các nhân tố văn hóa mới. Các phương tiện truyền thông đại chúng như loa, đài, ti vi, báo... cũng tạo nên động lực lớn cho người dân ở đây học hỏi lẫn nhau, giao lưu giữa các thành viên trong và ngoài cộng đồng. Tiếp cận được tri thức bên ngoài buôn làng, dẫn đến nhận thức của người Lạch thay đổi. Hòa nhập văn hóa người Kinh mà dần dần không còn duy trì văn hóa truyền thống của cha ông.

3.4 Đánh giá tác động của yếu tố văn hóa đến biến đổi nghi lễ tang ma

Sự biến đổi và phát triển là quy luật chung của bất kỳ sự vật, hiện tượng nào. Bản thân văn hóa là một hình thái ý thức xã hội cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy. Văn hóa Lạch đã tự loại bỏ đi những yếu tố có tính bảo thủ, lạc hậu, tiếp thu những nét văn hóa hiện đại để làm phong phú thêm bản sắc của dân tộc mình, điều này có thể thấy trong việc thay đổi tập quán sinh hoạt (trong đó có cách làm nhà ở), tập quán tín ngưỡng và lễ hội, ma chay, cưới xin. Ngày nay, người Lạch có thêm nhiều tiện nghi hiện đại phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, các thủ tục cưới xin, ma chay cũng được đơn giản hóa, loại bỏ bớt các thủ tục rườm rà.

“Hồi trước, làm đám mất nhiều ngày lắm, rồi thịt trâu đãi làng nữa. Còn bây giờ, thì nhanh hơn rồi tổ chức nhanh gọn chủ yếu là làm lễ ngoài nhà thờ thôi”. (PVS, Nam 46 tuổi)

KẾT LUẬN

Về không gian tổ chức tang ma cho người chết số người được hỏi đồng ý rằng đã có sự cải thiện về không gian và rộng hơn trước đây rất nhiều. Với 100% người được hỏi đã đồng ý với quan điểm này. Một phần điều kiện kinh tế xã hội hiện nay đã phát triển hơn ngày xưa rất nhiều.

Ngày nay, người Lạch không còn phụ thuộc quá nhiều vào rừng núi, kính tế chiếm đoạt đã kết thúc, giúp cho đời sống vật chất được cải thiện đáng kể. Về phần phong tục tập quán do tiếp xúc với văn hóa người Kinh nên các phong tục cũ dần bị xóa bỏ và tiếp thu các nghi thức lễ nghi tôn giáo mới dẫn đến sự tiếp biến văn hóa.

Các phong tục truyền thống nay đã được cắt bỏ rất nhiều. Ví dụ: trong gia đình có người mất tất cả những dòng họ của người mất đó phải mặc áo ngược hết hay việc cúng Yàng ngày nay đã được rỡ bỏ. Về thời gian phục vụ lễ bỏ mả là nhiều nên đã giảm bớt xuống còn một đến hai ngày. Như vậy sẽ giảm bớt gánh nặng về mặt vật chất cũng như tinh thần cho người dân. Trong hoạt động của lễ bỏ mả có sự tốn kém về mặt vật chất như: trâu, 54 bò, lợn, gà…do đó cần giảm cho những chi phí bắt buộc trong khi đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Những hiện tượng ma lai, tập tục chia của cho người chết gây nên cảnh nghèo khó, khốn đốn ở nhiều gia đình…theo như quan điểm của Hồ Chí Minh "cái gì xấu thì phải bỏ". Do đó, việc chia của cho người chết đã bị cắt giảm hay thay thế bằng hình thức khác, như đốt tiền vàng, quần áo…cho người chết giống như đối với người Kinh nhưng không phải theo cách mê tín mà làm một cách hợp lý.

Tục lệ chôn chung là một đặc trưng nổi bật nhất của lễ bỏ mả của người Lạch tuy nhiên, có sự thay đổi trong cách chôn để cho hợp vệ sinh. Bữa ăn bỏ mả thể hiện tính cộng đồng cao nhưng cũng có những hạn chế: vì lễ bỏ mả của người có tính liên làng lên trong bữa ăn bỏ mả có rất nhiều người tham gia, do đó cần

phải giết mổ trâu, bò, lợn, gà… rất nhiều nên đây là một hạn chế dẫn tới người Lạch xưa nghèo khó càng khó. Để làm lễ bỏ mả người Lạch phải tích lũy từ rất lâu. Vì vậy, các hình thức và nghi lễ này cũng được cắt giảm đáng kể.

Trong xã hội hiện nay nền kinh tế thị trường có tác động mạnh mẽ ở các đô thị lớn và cũng đã nhanh chóng lan tỏa và thâm nhập lớn dần lên trong tư duy, trong nhận thức và hành động của người Lạch. Họ đã có bước nhảy vọt với tốc độn lớn tạo ra những đột biến lớn lao trong đời sống văn hóa.

Những tác động của cuộc sống hiện đại không phải là nhỏ đối với văn hóa Tây Nguyên nói chung và lễ bỏ mả nói riêng. Trong môi trường văn hóa đương đại giá trị văn hóa truyền thống người K'Ho Lạch đang đứng trước những thách thức lớn. Riêng đối với lễ bỏ mả, hay tang ma những tác động của cuộc sống hiện tại đã ít nhiều làm "nghèo đi", "nhạt đi" những sắc thái và màu sắc truyền thống vốn có trong những lễ bỏ mả xưa. Áp lực của quá trình giao lưu, ảnh hưởng nội vùng và ngoại vùng, mà nhiều khi là "Kinh hóa", "Tây hóa" đã tác động đến sự biến đổi văn hóa của các vùng dân tộc hiện nay. Đó là quy luật tất yếu, thậm chí có mặt tích cực tác động đến các dân tộc, tuy nhiên do sức đề kháng của văn hóa dân tộc chưa đủ sức để chống đối lại, cho nên gây nên sự nhiễu loạn trong việc tiếp thu, ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Một số phong tục, lễ nghi truyền thống đã và đang có xu hướng mất dần. Sự mai một này phản ánh tính tất yếu của quá trình tiếp biến văn hóa và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. … Sự thay đổi này là tất yếu và cần thiết trong quá trình giao lưu hội nhập, tuy nhiên, nó cũng cho thấy sự du nhập của các yếu tổ "phản văn hóa", và sự mai một của các hoạt động dân gian truyền thống là điều rất cần được lưu ý nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa Lạch.

Hơn thế tác động của đạo Tin Lành cũng đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống của người dân nơi đây. Đạo Tin Lành lan tới đâu là những nhà truyền bá tôn giáo này thuyết phục và khuyến khích đồng bào các dân tộc bỏ đi nhiều tập tục

xưa như đâm trâu, bỏ mả…Vậy đáng chú ý là tác động của của đạo Tin Lành: "Đạo Tin Lành đi đến đâu thì hàng loạt những truyền thống văn hóa cổ truyền của đồng bào dân tộc mất đi đến đấy". Từ năm 2001 đến nay "Tin Lành Đề -ga" bịp bợm, lừa phỉnh, xúi dục tổ chức biểu tình, gây rối trật tự cộng cộng, trong đó cũng có một số bộ phận của người Lạch tham gia, phần nào có ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần, tâm tư tình cảm của nhân dân.

Không chỉ Tin Lành, các tôn giáo khác cũng đang dần dần thâm nhập ăn sâu vào các công đồng dân tộc ít người nói chung và cộng đồng người Lạch nói riêng làm cho văn hóa truyền thống dần trở nên đi vào dĩ dĩ vãng, chỉ còn là tưởng nhớ xa xưa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thế Cường cùng cộng sự. 2010 - 2012. *Từ điển xã hội học OXEFORD, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội*. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.
2. Đặng Nghiêm Vạn (2002), "Lại bàn về công tác xác minh thành phần các dân tộc Việt Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, trang 49 – 60.
3. Lê Đình Bá, Mai Minh Nhật (2011), "Huyền thoại về sự ra đời và tên gọi của một số dòng họ của người Chil ở Lâm Đồng", *Tạp chí Khoa học Xã hội Tây Nguyên*, số 4, trang 69 – 77.
4. Lê Minh Chiến (2017), *Biến đổi trong tổ chức xã hội của cộng đồng người Kơ ho trong tiến trình đô thị hóa ở thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Viên HLKH Việt Nam.
5. Lê Minh Chiến (chủ nhiệm) (2018), *Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững trong cộng đồng người Cơ ho tỉnh Lâm Đồng*, Đề tài NCKH cấp Bộ, trường Đại học Đà Lạt.
6. Linh Nga Niêkdam (chủ biên, 2011), *Văn hóa dân gian truyền thống của người K'ho*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
7. Lương Thị Hạnh. 2013. *Tang ma người Tày ở Bắc Kạn*. Luận án tiến sĩ được bảo vệ năm 2013 tại Học viện Khoa học - xã hội.
8. Mai Minh Nhật (2013), "Nhìn lại quá trình du nhập của đạo Tin Lành vào cộng đồng người Chil ở Lâm Đồng từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975", *Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt*, số 7, trang 99 – 110.
9. Nguyễn Thị Hằng cùng cộng sự. 2009. *Biến đổi văn hóa và phát triển: Khảo cứu ban đầu tại cộng đồng người H' Mông tại Hòa Bình*. Báo cáo được thực hiện trong khuôn khổ Dự án Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu bảo tồn thiên

nhiên Hang Kia - Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Trung tâm Con người và Thiên nhiên thực hiện.

10. Nguyễn Từ Chi. 1996. *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.: tr. 565, 566.
11. Nhiều tác giả (2005), *Vài nét văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa thông tin Lâm Đồng.
12. Nhiều tác giả. 2008. *Người Việt phẩm chất và thói hư-tật-xấu*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội: tr. 224.
13. Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng. 2001. *Xã hội học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
14. Sở Khoa học – Công nghệ tỉnh Lâm Đồng (2004), *Nghiên cứu đặc điểm mối quan hệ cộng đồng các dân tộc ở Lâm Đồng*.
15. Trần Sỹ Thứ (1999), *Dân tộc, dân cư Lâm Đồng*, Nxb Thống kê.
16. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Lạc Dương lần thứ 3 năm 2019.*
17. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Báo cáo kết quả 10 năm triển khai thực hiện chiến lược phát triển văn hóa trên địa bàn huyện Lạc Dương.*
18. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Báo cáo quá trình hình thành và 40 năm phát triển của huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng (14/3/1979 – 14/3/2019).*
19. Ủy ban Nhân dân huyện Lạc Dương, *Báo cáo tổng quan tình hình kinh tế, xã hội, địa bàn cư trú của dân tộc Cơ ho và người Chil huyện Lạc Dương*, Lạc Dương, ngày 15 tháng 11 năm 2012.
20. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Đề án về việc phân loại đơn vị hành chính huyện Lạc Dương*, Lạc Dương, tháng 8 năm 2017.
21. Ủy ban Nhân dân huyện Lạc Dương, *Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đến tháng 12 năm 2016*, Lạc Dương, tháng 12 năm 2016.

22. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Thống kê nhân khẩu hộ khẩu đăng ký thường trú phân loại theo dân tộc*, Lạc Dương, ngày 5 tháng 5 năm 2017.
23. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Thống kê nhân khẩu, hộ khẩu các loại tôn giáo (Số liệu có đến ngày 31/12/2018).*
24. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, *Thống kê nhân khẩu, hộ khẩu đăng ký thường trú phân loại theo dân tộc (số liệu có đến ngày 31/12/2018).*
25. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng (1989), *Những kết quả nghiên cứu kinh tế – xã hội Lâm Đồng*.
26. Uỷ ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2001), *Địa chí Lâm Đồng*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
27. Vinh Hồ. 2005. *Tang ma theo tục lệ cổ truyền*. NXB Văn hóa - Thông tin.
28. Võ Tấn Tú (chủ biên, 2016), *Tây Nguyên dưới góc nhìn nhân học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
29. Võ Tấn Tú. 2017. *Nghi lễ tang ma người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng*. Tạp chí Phát triển KH&CN, tập 20, số X2-2017.

PHỤ LỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **Mã số phiếu**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT ☐☐☐

PHIẾU KHẢO SÁT

Kính chào ông/ bà!

Chúng tôi là nhóm nghiên cứu đến từ Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Đà Lạt. Chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài **"Biến đổi nghi lễ tang ma của người Lạch ở huyện Lạc Dương, tỉnh lâm Đồng" (nghiên cứu trường hợp tại xã Lát và Thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng)**. Chúng tôi rất mong muốn nhận được sự công tác, giúp đỡ của ông/ bà đối với cuộc nghiên cứu này. Chúng tôi xin cam kết mọi thông tin ông/ bà cung cấp sẽ được ghi chép chính xác, được giữ bí mật và chỉ để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, sẽ không chia sẻ dưới bất kì hình thức nào.

Xin chân thành cảm ơn ông/ bà!

Phỏng vấn viên : …….

Thời gian phỏng vấn: ……

Địa điểm phỏng vấn : …….……

A. Đặc điểm chung

A1. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ 3.Khác (ghi rõ):..

A2. Năm sinh: …….

A3. Dân tộc: ……

A4. Trình độ học vấn: 1. Không đi học 2. Tiểu học
3. THCS 4. THPT
5. Trung cấp 6. CĐ/ĐH trở lên

A5. Tình trạng hôn nhân: 1. Chưa kết hôn 2. Đã kết hôn
3. Đã ly hôn/ly thân 4. Góa

A6. Trình độ chuyên môn: 1. Lao động phổ thông 2. Công nhân kỹ thuật

3. Trung học nghề 4. CĐ/ ĐH

A7. Loại hình nghề nghiệp: 1. Công nhân

2.Nông dân

3. Buôn bán (kinh doanh, dịch vụ…)

4. Lao động phổ thông đơn giản (bốc vác, xe ôm…)

5. Nghề khác: ……..

B. Hình thức và sự biến đổi nghi lễ tang ma của người Lạch

<u>Phần 1: Tìm hiểu nghi lễ tang ma truyền thống của người Lạch</u>

B.1.1 Xin ông/bà cho biết, đối với người Lạch thì các phong tục và nghi lễ tang ma có ý nghĩa như thế nào?

1. Để hồn người chết được siêu thoát
2. Bày tỏ lòng thương xót và kính thờ người chết
3. Để người sống yên tâm
4. Báo hiếu cha mẹ/ ông bà / tổ tiên
5. Đưa người thân sang một thế giới khác
6. Khác (ghi rõ):……

B.1.2 Xin ông/bà cho biết, tiền bạc, của cải của người chết sẽ được phân chia hay được sử dụng thế nào?

1. Toàn bộ tiền bạc, của cải sẽ được chôn theo người chết
2. Toàn bộ tiền bạc, của cải sẽ nộp lại cho làng
3. Người chết sẽ được hưởng một phần tiền bạc, của cải do gia đình phân chia
4. Khác (ghi rõ):……

B.1.3 Đám tang thường được tổ chức trong vòng bao nhiêu ngày?

1. 1-3 ngày
2. 3-5 ngày
3. 5-7 ngày
4. Khác (ghi rõ):……

B.1.4 Những vật dụng bắt buộc phải có trong đám tang của người Lạch?

……

……

Phần 2: Tìm hiểu những biến đổi trong nghi lễ trước khi tổ chức tang lễ của người Lạch

B.2.1 Sự biến đổi trong cách báo tang?

Cách báo tang	Báo cha xứ hoặc mục sư, ban chấp hành chi hội	Báo trưởng thôn hoặc chính quyền thôn xóm nhờ giúp đỡ	Đánh 3 hồi cồng/trống
Trước kia			
Hiện nay			

B.2.2 Sự biến đổi trong tang phục, khăn tang, đồ khâm liệm, quần áo cho người chết?

Hình thức	Tang phục, khăn tang		Đồ khâm liệm		Quần áo người mất	
	Tự làm	Mua	Tự làm	Mua	Tự làm	Mua
Trước kia						
Hiện nay						

B.2.3 Khách đến viếng đám tang bằng gì?

Đồ đến viếng	Rượu	Gạo	Vải vóc	Tiền
Trước kia				
Hiện nay				

Khác (ghi rõ):……

B.2.4 Kiêng kỵ trước khi làm lễ phát tang?

Kiêng kỵ	Con cháu không được khóc	Không được chải tóc	Không được soi gương	Ăn cơm không được dùng mâm	Không được ăn uống linh đình
Trước kia					
Hiện nay					

Khác (ghi rõ): ……

B.2.5 Khi có đám tang những ai là người tham gia tổ chức tang lễ ?

- Người trong gia đình, dòng họ
- Tất cả thành viên trong làng
- Dịch vụ tang lễ
- Thầy cúng, thầy mo
- Cha xứ, sư thầy, mục sư,…

Phần 3: Tìm hiểu những biến đổi trong nghi lễ khi tổ chức tang lễ của người Lạch

B.3.1 Quan tài được làm như thế nào?

Hình thức	Quan tài bằng thân cây/ván tự làm	Quan tài bằng ván mua ngoài chợ
Trước kia		
Hiện nay		

B.3.2 Trước khi đưa tang, thi hài người chết thường để trong nhà bao nhiêu ngày?

Thời gian	1 ngày	4 – 6 ngày	2 - 3 ngày	7 - 9 ngày
Trước kia				
Hiện nay				

B.3.3 Cách thức đưa ma ra đồng?

Cách thức	Quan tài được đưa ra bằng cửa chính	Quan tài được đưa qua vách sau	Nghi lễ thầy mo đưa ma ra đồng
Trước kia			
Hiện nay			

B.3.4 Những hoạt động trong khi tổ chức tang lễ?

B.3.5 Khi đưa ma ra đồng, con cháu thường có những tục lệ gì?

Nội dung	Làm 1 mâm cơm cúng ngoài nghĩa địa	Đồ cúng mang ra ngoài đồng	Thầy mo làm lễ giao đất cho người chết	Trước khi hạ huyệt, trải 1 chiếc chiếu/ đệm xuống đáy huyệt
Không biến đổi				
Thay đổi 1 phần				
Hoàn toàn thay đổi				

Phần 4: Tìm hiểu những biến đổi trong nghi lễ sau khi tổ chức tang lễ của người Lạch.

B.4.1 Các nghi lễ sau khi chôn cất hiện nay?

Nghi lễ	Trồng hòn mộ	Xây mồ bằng gạch, xi măng	Dựng nhà mồ	Để bên hông nhà
Có sự thay đổi				
Không thay đổi				

B.4.2 Các lễ cúng sau khi chôn cất trong thời gian 1 năm?

Lễ cúng	Lễ cúng 7 ngày	Lễ cúng 49 ngày	Lễ cúng 100 ngày	Giỗ đầu
Trước kia				
Hiện nay				

B.4.3 Hàng năm có làm giỗ không?

Giỗ hàng năm	Không làm giỗ vào ngày mất	Giỗ vào Tết nguyên đán	Làm giỗ đúng ngày mất
Trước kia			
Hiện nay			

B.4.4 Tập tục kiêng kỵ trong thời gian chịu tang?

Kiêng kỵ	con cháu không được tham gia các hoạt động sinh hoạt văn nghệ cộng đồng	không được tổ chức cưới hỏi	Không được làm nhà mới
Trước kia			
Hiện nay			

C. Đánh giá của người dân về sự biến đổi trong đám ma của người Lạch?

C.1.1 Không gian thực hiện nghi lễ?

a. Rộng hơn

b. Hẹp hơn

c. Giữ nguyên

C.1.2 Ông/bà cho biết các bước thực hiện trong đám tang có bỏ đi bước nào không? Nếu CÓ vì sao?

a. Có

b. Không

Vì: .....
.....

C.1.3 Nhận thức của người dân trước kia và hiện nay có sự biến đổi không? Nếu CÓ vì sao?

a. Không

b. Có

Vì: ……
……..

Xin cảm ơn thời gian và sự hợp tác của ông bà!

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU

Biên bản phỏng vấn sâu số 1

Thời gian: 17h00’ ngày 21/2/2022
Địa điểm: Nhà riêng ông K’Bef 46 tuổi
Người phỏng vấn: Đặng Trần Duy
Người trả lời phỏng vấn: Đankia, Thị trấn Lạc Dương, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng

Nội dung cuộc phỏng vấn: thực trạng và sự biến đổi phong tục nghi lễ tang ma của người Lạch

Được giới thiệu từ một người bạn học cùng. Và gặp được chú K’Bef là trưởng thôn. Và xin phép chú phỏng vấn được chú sẵn sàng giúp đỡ.
Hỏi: Cháu đang tìm hiểu về nghi lễ tang ma của người Lạch mình, về sự khác biệt giữa cái tang ma ngày xưa với bây giờ cảm thấy như thế nào ạ?
Trả lời: Tang ma thì bây giờ cũng khác nhiều rồi. Khác về cả hình thức đến quan niệm luôn vì là bây giờ mọi người họ theo đạo nhiều lắm người thì tin lành người thì công giáo cho nên đám ma không còn được giống như xưa nữa.
Hỏi: Dạ, chú ơi lúc mà trong nhà có người chết thì người Lạch mình thường báo cho ai ạ?
Bây giờ theo đạo thì mình báo cho cha xứ á. Báo cho ta rồi cha thông báo trong nhà thờ cho mọi người biết.
Hỏi: Hồi trước theo đạo thì mình báo cho trưởng làng hay sao vậy chú?
Có, báo có trưởng làng.
Hỏi: Ngoài trưởng làng ra thì còn báo cho ai không ạ?
Cứ nhà ai mà có người chết thì người ta phải đi thông báo để làng biết đến giúp, nhưng mà đám ma thì không mời họ cũng tới giúp mình à. *Riêng việc đám cưới nếu không mời thì không bao giờ đến, riêng việc đám ma không phân biệt bạn bè hàng xóm, có người chết trong làng là họ đến, không phân biệt.*
Hỏi: Dạ, cho cháu hỏi thế lúc mà người ta chết thì tiền bạc của cải của người chết người ta làm như thế nào ạ?
Trả lời: Thì bình thường là họ đốt theo như người ta thôi, tiền bạc của cải ngày xưa họ chôn theo chứ bây giờ thì hết rồi họ sợ bị lấy mất á cháu. Riêng dân tộc Lạch đồ dùng mà người ta thường dùng, như cần thuốc, túi đựng bao thuốc và những thứ họ thường dùng trong cuộc sống khi họ chết đi là họ đốt và để trên mộ, quần áo thường dùng không mang đi hết thì người ta đốt. Ngày xưa, chôn của cải theo người chết họ hay làm lắm chứ *bây giờ mọi người ở đây đã theo đạo hết rồi, người thì theo Công giáo người thì theo Tin Lành nên họ phải làm theo luật của Chúa tôn thờ Chúa nên họ cũng bỏ cái nghi thức này luôn rồi.*

Hỏi: Cháu nghe người ta nói hồi xưa mình hay lên rừng đục thân cây gỗ để làm quan tài bây giờ còn làm không ạ?

Bây giờ có cái khác, trước kia rừng cò nhiều cây to, quan tài người ta chuẩn bị sẵn, lấy cây gỗ to, bổ giữa làm 2 máng đực và máng cái, hai bên thân cây khoét rỗng, bên dưới to hơn để người, gọt thành hình chữ nhật. Bây giờ không có gỗ to thì dùng ván, không có ván nữa hay gấp gáp thì mua ngoài chợ cho nhanh chứ đi làm trên rừng bây giờ cây hạ gần hết rồi còn cây nhỏ thôi với cả kiểm lâm cũng gắt lắm cho nên là không lên đó làm quan nữa.

Hỏi: Hồi trước thông thường một đám ma mất khoảng bao nhiêu ngày ạ?

Trả lời: *Hồi trước, làm đám mất nhiều ngày lắm, rồi thịt trâu đãi làng nữa. Còn bây giờ, thì nhanh hơn rồi tổ chức nhanh gọn chủ yếu là làm lễ ngoài nhà thờ thôi.* Chú cũng nghe kể lại hồi đó nhà nào mà có điều kiện là họ làm tới 7 ngày lận thịt thà rồi nhậu nhẹt suốt ngày suốt đêm luôn.

Hỏi: Lúc đi đám ma thì ở đây thường mang cái gì theo để viếng ạ?

Trả lời: Đồ đi viếng bây giờ dùng tiền, vì tiền thời bây giờ dùng rất phổ biến, thời trước có tiền mặt là hiếm hoi lắm. Mà cũng theo tập tục, từ trước ông bà tổ tiên làm vậy, nên con cháu sau cũng làm theo thôi. Còn trước đây, người làng đến viếng bằng rượu, gạo, không có vải, vải vóc chỉ anh em trong nhà mới mang đến, làm đồ góp tang luôn. Nhà mình có người mất nó mang bao nhiêu cân gạo, sách rượu, con lợn bao nhiêu kí thì sau nhà nó có việc mình phải trả cái đấy.

Vì thời gian và công việc của chú, nên cuộc phỏng vấn kết thúc. Sau cùng là lời cảm ơn về những điều chú K’Bef chia sẻ.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU

Biên bản phỏng vấn sâu số 2

Thời gian: 11h30’ ngày 12/4/2022
Địa điểm: Nhà riêng ông K’Long 68 tuổi
Người phỏng vấn: Đặng Trần Duy
Người trả lời phỏng vấn: Đankia, Thị trấn Lạc Dương, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng

Cuộc phỏng vấn diễn ra cởi mở và đạt được những thông tin quan trọng phục vụ cho đề xuất nghiên cứu.

Hỏi: Ông cho cháu hỏi về tang ma người Lạch mình ngày xưa lúc mà trong nhà có người chết thì mình sẽ làm những gì ạ?

Trả lời: Làm nhiều thứ lắm tao cũng không nhớ nữa, nhưng lúc chết thường trong nhà. Trai ở rễ về nhà vợ lúc chồng hoặc vợ mất, người vợ hoặc chồng phải mời họ hàng đàng trai, gái phải đi mời chứ không phải tự đi, thông báo hay như thời nay gọi bằng điện thoại đều này không được phép, họ Phải đi tận nơi mời từng người một họ hàng bên trai. Tất cả những dòng họ của người mất đó phải mặc áo ngược hết. Trong khi mặc áo xong rồi xuống bàn và làm 2 con gà cúng cho người mất. Trong khi bắt đầu đem đi chôn thì làm thịt con heo cúng cho người mất. Hồi xưa chưa có xe đẩy thì họ sẽ khiêng, phải có 6 người trong đội khiêng đó.

Hỏi: Dạ thế đồ của người mất thì làm như thế nào ạ?

Trả lời: Đồ của người mất phải đem theo hết để chôn hoặc đốt bên cạnh mộ của họ.

Hỏi: Cái quan tài ngày xưa phải lên rừng làm phải không ông?

Trả lời: *Khi có người chết thì gia đình đó sẽ đo thân người chết bao nhiêu kích cỡ rồi mới bắt đầu đi lấy vỏ cây. Khi đi lấy vỏ cây ở trong rừng để làm hòm thì phải làm 1- 2 con gà mời thầy cúng về làm lễ xin phép thần rừng rồi mới dám hạ cây lấy vỏ”.* Mỗi lần lên đó làm là đông lắm, tập trung làm cho nhanh nhất có thể để kịp mang về.

Hỏi: Có điều gì mà khi mất người sống không được làm không ạ, nếu làm là sẽ bị phạt nặng á ông?

Trả lời: Khi chôn xong kể đến ngày chưa bỏ mã người vợ hoặc người chồng không được phép có người mới. Nếu chưa bỏ mã xong cho người mất mà người vợ hoặc chồng có người mới thì sẽ bị phạt 7 con trâu. Trong khi đó đủ 1 năm rồi sẽ làm lễ bỏ mã cho người mất tức là làm cái nhà cho người mất, lấy xương cốt người mất chôn cùng một chỗ vào trong 1 cái nhà vừa làm đó sau khi lễ bỏ mã kết thúc gia đình đó sẽ làm thịt con trâu để đãi cả làng ăn. khi làm xong lễ đó họ không đi thăm hoặc cung viếng hộ của người mất đó nữa.

Hỏi: Mỗi cái đám ma bình thường họ để trong nhà bao nhiêu ngày vậy ông?

Ngày xưa khi có người chết đều phải để trong nhà 4 - 5 ngày, ngày nào cũng phải tổ chức cúng và ăn uống, nhiều thủ tục lắm. Giờ rút gọn lại rồi, thế mới đúng chứ không thì tốn kém lắm. Bình thường thì để 2 – 3 ngày, nhưng có nhà chỉ 1 ngày do nhà họ khó khăn hay chẳng may chết do tai nạn thì phải chôn luôn".

Hỏi: Lễ bỏ mả này hình như là có nhiều nơi làm phải không ông?
Trả lời: Ừ, nhiều lắm nhưng mà mỗi nơi nó làm một kiểu khác nhau. Bây giờ chỉ còn vài chỗ có à. Hình như ở dưới Ninh Thuận là còn cái này đấy, chứ trên chỗ này thì không thấy còn nữa. Rừng hết rồi, với cả người ta theo đạo một cái là người ta bỏ hết luôn.

Hỏi: Cháu thấy bây giờ người ta theo đạo nhiều như vậy có ai còn nhớ đến cái tang ma ngày xưa của mình nữa không ông?

Trả lời: Bây giờ hiếm lắm rồi nhà nào người ta cũng theo đạo. Ngày xưa thì sống khó ăn, cậy nhờ thần linh mà sống. Bây giờ khác rồi người ra kiếm ra nhiều tiền rồi, họ lo làm ăn có còn ai để ý đến tục lệ xưa nữa. Theo đạo người ta có chỗ để sinh hoạt rồi nào nghèo thì có bên đạo người ta cho. *Bây giờ những nhà nào khó khăn, không có gạo ăn là đều được các cha xứ hỗ trợ. Phát gạo, dầu ăn, mắn muối.* Từ lúc bắt đầu theo đạo là từ 1961 đến nay phong tục đó đã xóa bỏ, chỉ giữ những phong tục theo kinh thánh đã dạy họ bắt buộc phải bỏ hết. Cái phong tục lễ bỏ mã này giờ này giờ vẫn còn ở một số dân tộc răklay ở ở huyện Bác Ái tỉnh ninh thuận.

Sau cùng là lời cảm ơn về những điều chú K'Long chia sẻ.